

LỊCH SỬ VIỆT NAM BẰNG TRANH

15

XÂY ĐẮP NHÀ LÝ



NHÀ XUẤT BẢN TRẺ

Chủ biên
TRẦN BẠCH ĐĂNG
Biên soạn
TÔN NỮ QUỲNH TRẦN
Họa sĩ
NGUYỄN HUY KHÔI



LỊCH SỬ VIỆT NAM

BẰNG TRANH

TẬP 15: XÂY ĐÁP NHÀ LÝ

Tái bản lần thứ 4

NHÀ XUẤT BẢN TRẺ

Hình vẽ do phòng vẽ “Lịch sử Việt Nam bằng tranh” thực hiện

Họa sĩ thể hiện: Tô Hoài Đạt

Đồ họa vi tính: Đặng Kim Ngân

Biên tập hình ảnh: Lương Trọng Phúc

BIỂU GHI BIÊN MỤC TRƯỚC XUẤT BẢN ĐƯỢC THỰC HIỆN BỞI THƯ VIỆN KHTH TP.HCM

Xây đắp nhà Lý/ Trần Bạch Đằng chủ biên; Tôn Nữ Quỳnh Trân biên soạn; họa sĩ Nguyễn Huy Khôi. - Tái bản lần thứ 4. - T.P. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2012.

112tr. ; 21cm. - (Lịch sử Việt Nam bằng tranh ; T.15).

I. Việt Nam - Lịch sử - Triều nhà Lý, 1009-1225-Sách tranh. I. Trần Bạch Đằng. II. Tôn Nữ Quỳnh Trân. III. Ts. Lịch sử Việt Nam bằng tranh.

I. Vietnam - History - Lý Dynasty, 1009-1225 - Picture books.

959.7023 -- dc 22

X149

LỜI GIỚI THIỆU

Vua Lý Thái Tổ băng, nhà Lý gặp họa anh em tranh đoạt vương quyền, cảnh thoán đoạt và nguy cơ đại loạn trở thành họa cho việc suy vong. Nhưng vốn là người cơ trí, uy dũng, tài năng, lại có tôi hiền là tướng Lê Phụng Hiếu phù trợ, Thái tử Lý Phật Mã đẹp yên được cảnh anh em chia cắt, nhanh chóng ổn định tình hình chính trị, lên ngôi vua, tức vua Lý Thái Tông.

Trong suốt gần 30 năm trị vì, bên cạnh việc cai trị sáng suốt, lại thông lục nghệ, tinh thao lược, gặp buổi trong nước giặc giã nhiều như vua Lý Thái Tông không ít lần thân chinh cầm quân đánh dẹp phân loạn, dùng đức thu phục lòng người, xóa bỏ nguy cơ chia cắt, xâm lấn, giúp cho Đại Việt trở nên hùng mạnh.

Những nội dung trên được truyền tải trong tập 15 của bộ Lịch sử Việt Nam bằng tranh “Xây dựng nhà Lý” phần lời do Tôn Nữ Quỳnh Trân biên soạn, phần hình ảnh do họa sĩ Nguyễn Huy Khôi thể hiện.

Nhà xuất bản Trẻ xin trân trọng giới thiệu tập 15 của bộ Lịch sử Việt Nam bằng tranh.

NHÀ XUẤT BẢN TRẺ

Dựng nên nhà Lý là vua Lý Thái Tổ, phát triển mạnh mẽ xã hội Việt Nam dưới thời Lý là Lý Thái Tông. Cả hai vua ở trên ngôi 45 năm, thời gian đủ để thi thố các chính sách bình trị đất nước. Người đời sau đánh giá: gần nửa thế kỷ này cực kỳ quan trọng với lịch sử nước ta bởi nó tạo lập những nền tảng quan trọng cho việc phát triển đất nước.

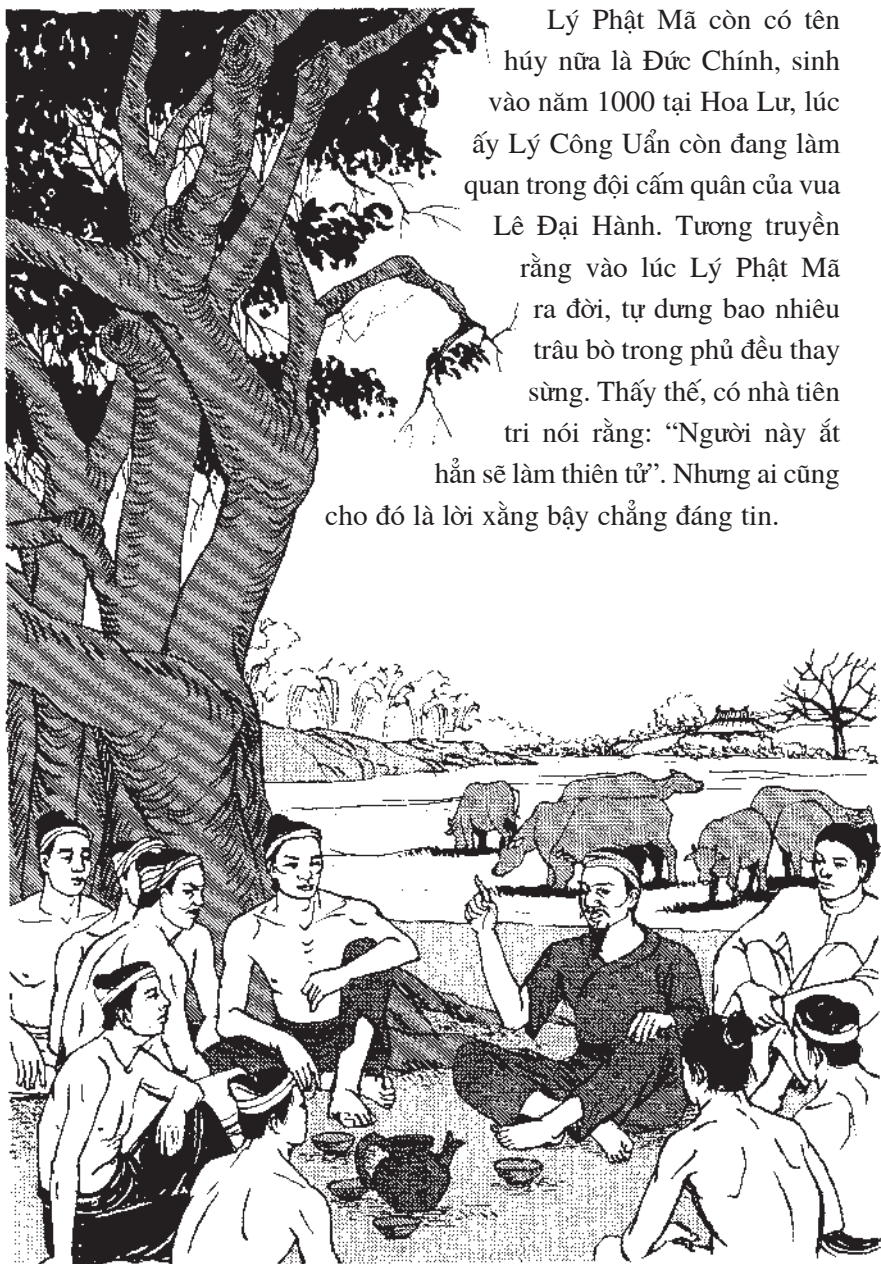
Vua sáng có tôi hiền, nhà Lý mở đầu theo chiều hướng đó.

Tập này xin giới thiệu vị minh quân thứ hai của nhà Lý.

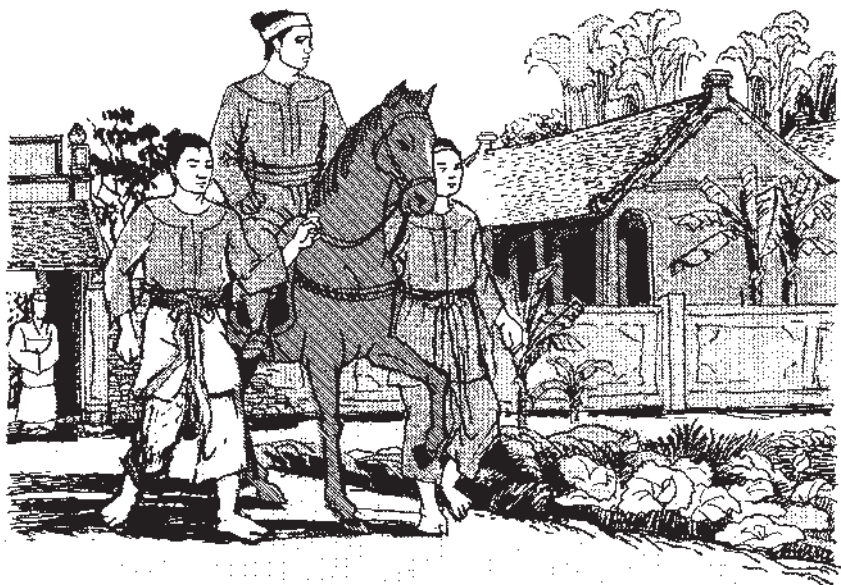
Vào mùa xuân năm Mậu Thìn (1028), sau 19 năm trị vì, đưa đất nước đến chỗ ổn định và thanh bình, vua Lý Thái Tổ lâm bệnh nặng rồi từ trần. Theo lệ cha truyền con nối, nhà vua đã chuẩn bị người kế vị từ trước. Đó là Lý Phật Mã, người con trưởng, được phong làm Thái tử vào năm 1012.



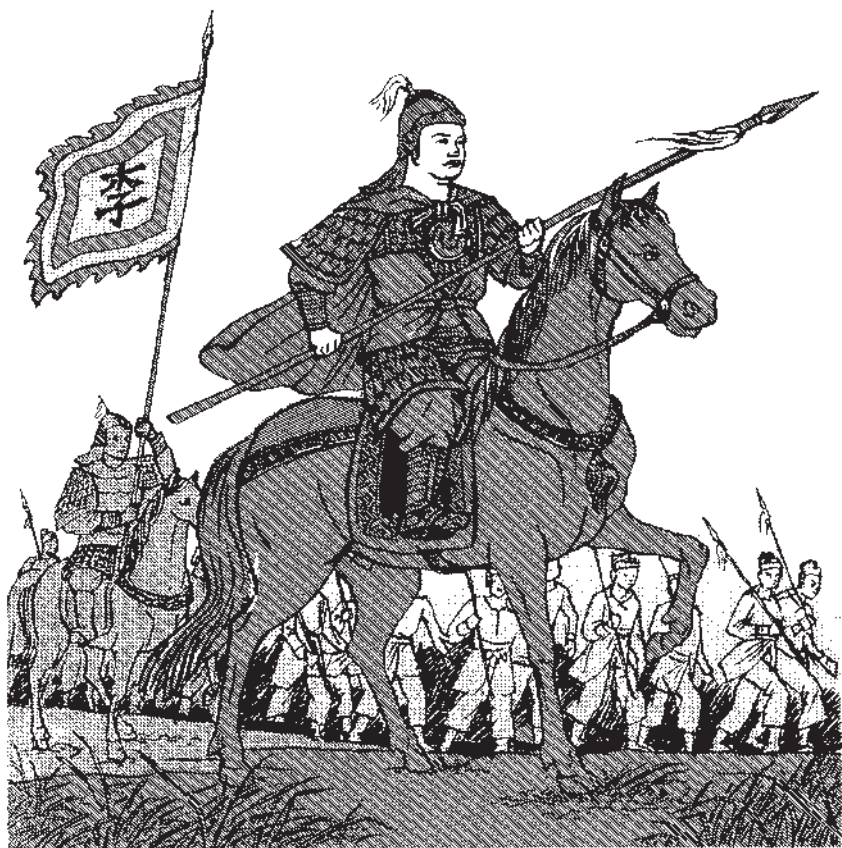
Lý Phật Mã còn có tên húy nữa là Đức Chính, sinh vào năm 1000 tại Hoa Lư, lúc ấy Lý Công Uẩn còn đang làm quan trong đội cấm quân của vua Lê Đại Hành. Tương truyền rằng vào lúc Lý Phật Mã ra đời, tự dung bao nhiêu trâu bò trong phủ đều thay sừng. Thấy thế, có nhà tiên tri nói rằng: “Người này ắt hẳn sẽ làm thiên tử”. Nhưng ai cũng cho đó là lời xằng bậy chẳng đáng tin.



Từ khi được phong làm Thái tử, Lý Phật Mã không được ở tại chốn cung điện tráng lệ, êm đềm trong vòng thành Thăng Long mà phải sống ở ngoài thành, gần gũi và hiểu rõ dân chúng để sau này cai trị cho hợp với lòng người. Chỗ ở của Thái tử được gọi là cung Long Đức, cũng đơn sơ, giản dị như nhà của người trung lưu.



Mỗi khi trong nước có loạn lạc, Thái tử phải trải đời, lội suối, chịu đựng gian khổ, cầm quân đánh dẹp và lập nên được nhiều chiến công. Nhờ được rèn luyện như thế, Thái tử Phật Mã trở thành một trang nam tử thông tuệ, uy dũng. Dân chúng và triều thần đều kính phục.





Ngoài Lý Phật Mã, vua Lý Thái Tổ còn có bốn người con trai là Dục Thánh vương, Đông Chính vương, Võ Đức vương, Khai Quốc vương. Các hoàng tử này ai cũng nuôi mộng làm vua. Vì vậy, khi vua cha mới băng hà, họ lợi dụng việc Thái tử phải ở ngoài thành nên ngầm ngầm liên kết cùng nhau, chuẩn bị ngăn chặn Lý Phật Mã lên ngôi.

Linh cữu vua Lý Thái Tổ đặt ở điện Long An, triều thần theo di chiếu tới cung Long Đức mời Thái tử đến để tuyên chiếu truyền ngôi. Đoán trước việc đó, hoàng tử Võ Đức vương, Dục Thánh vương và Đông Chính vương đem quân cả ba phủ tập kích ở cổng thành. Vì thế, lúc Thái tử cùng các tướng tâm phúc là Lý Nhân Nghĩa, Lê Phụng Hiểu đến cửa thì bị cản không vào được.

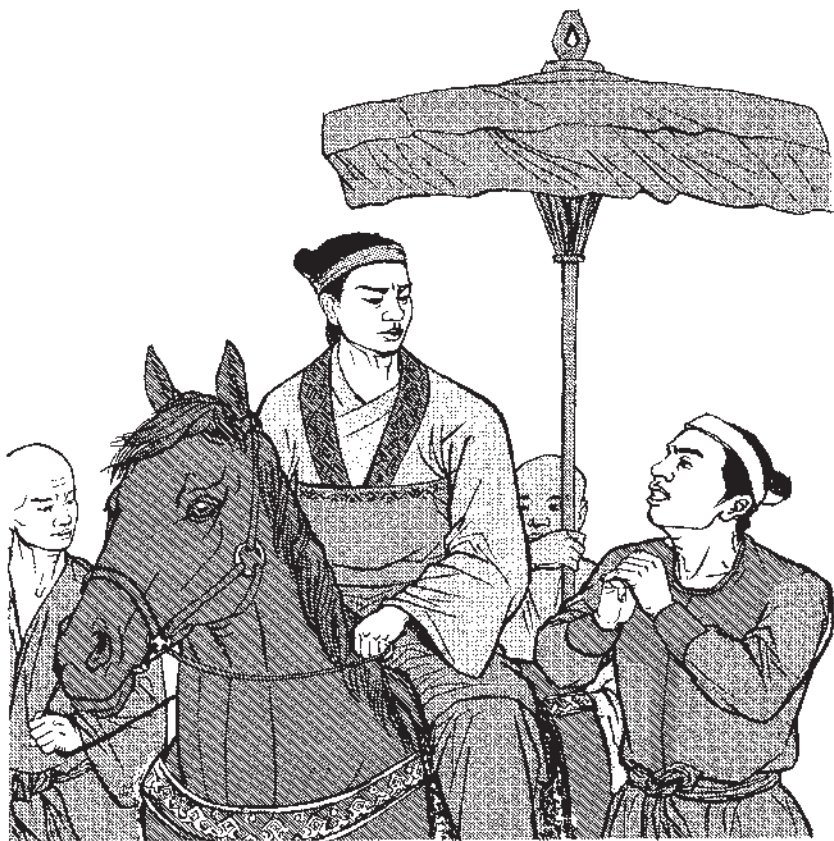


Trước tình cảnh ấy, Thái tử than:

- Ta không làm điều gì phụ lòng anh em mà sao ba vương lại làm điều bất nghĩa, quên di mệnh của Tiên đế (tức là vua Lý Thái Tổ). Các khanh nghĩ thế nào?

Lý Nhân Nghĩa tâu:

- Anh em thì phải hòa hiệp, nay ba vương làm phản liệu có còn là anh em không? Ta phải bỏ tình riêng mà nghĩ đến nghĩa công. Tôi xin ra quyết chiến một trận.

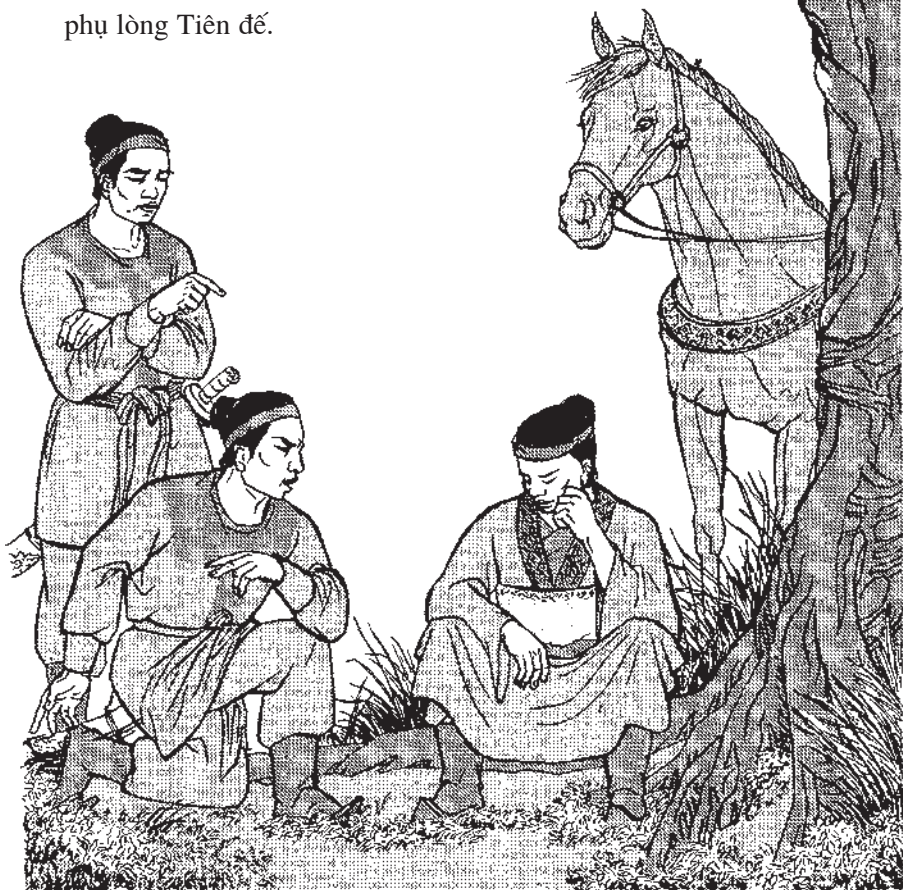


Thái tử bảo:

- Ta lấy làm xấu hổ. Tiên đế vừa mất chưa chôn cất mà anh em ruột thịt đã giết hại lẫn nhau. Há chẳng để cho đời sau chê cười sao?

Lý Nhân Nghĩa tâu:

- Tiên đế thấy Điện hạ là người đủ đức tài để nối nghiệp nên đã đem cả thiên hạ phó thác cho. Nay giặc đến cửa cung mà không quyết thì thật là phụ lòng Tiên đế.

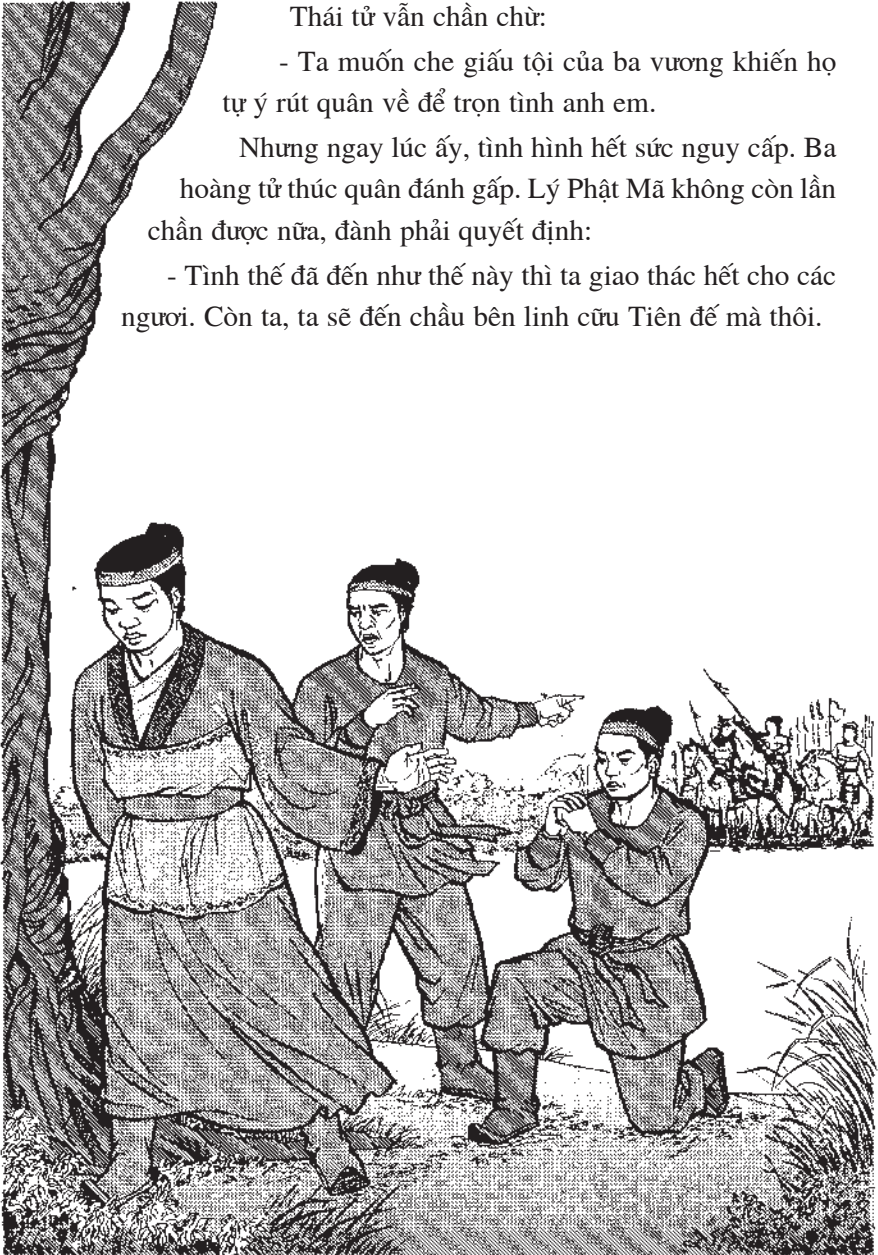


Thái tử vẫn chân chừ:

- Ta muốn che giấu tội của ba vương khiến họ tự ý rút quân về để trọn tình anh em.

Nhưng ngay lúc ấy, tình hình hết sức nguy cấp. Ba hoàng tử thúc quân đánh gấp. Lý Phật Mã không còn lần chân được nữa, đành phải quyết định:

- Tình thế đã đến như thế này thì ta giao thác hết cho các người. Còn ta, ta sẽ đến châu bên linh cữu Tiên đế mà thôi.



Lý Nhân Nghĩa cùng Lê Phụng Hiểu đồng thanh trả lời:

- Chúng tôi xin hết lòng.

Rồi cả hai tả xung hữu đột giữa đám phản loạn. Lê Phụng Hiểu chỉ vào Võ Đức vương hét lớn:

- Các người dòm ngó ngôi cao, khinh rẻ Thái tử; trên quên ơn Tiên đế, dưới trái nghĩa tôi con, vậy Phụng Hiểu xin dâng nhất guom này.



Với sức mạnh phi thường, ánh guơm của Phụng Hiểu chỉ vừa loáng lên là Võ Đức vương đã gục chết dưới chân ngựa trong chớp mắt. Quân ba phủ tan vỡ. Hai hoàng tử còn lại hốt hoảng bỏ chạy, Phụng Hiểu vội cùng Lý Nhân Nghĩa đi thẳng đến trước linh cữu Lý Thái Tổ bảm báo. Thái tử vô cùng cảm động, ủy lạo:

- Các ông thật là trung thành còn Phụng Hiểu thật là uy dũng.



Thái tử Phật Mã lên ngôi (1028), tức Lý Thái Tông*, đổi niên hiệu là Thiên Thành. Nhà vua là người nhân từ, liền ra lệnh đại xá kẻ tù tội. Vua cũng thường miễn thuế cho dân chúng mỗi khi trong nước gặp nạn mất mùa hoặc chiến tranh, loạn lạc. Hai hoàng tử đã từng nổi loạn về xin tha tội cũng được vua bỏ qua và phục lại chức tước như cũ.

* Có sách gọi là Tôn.



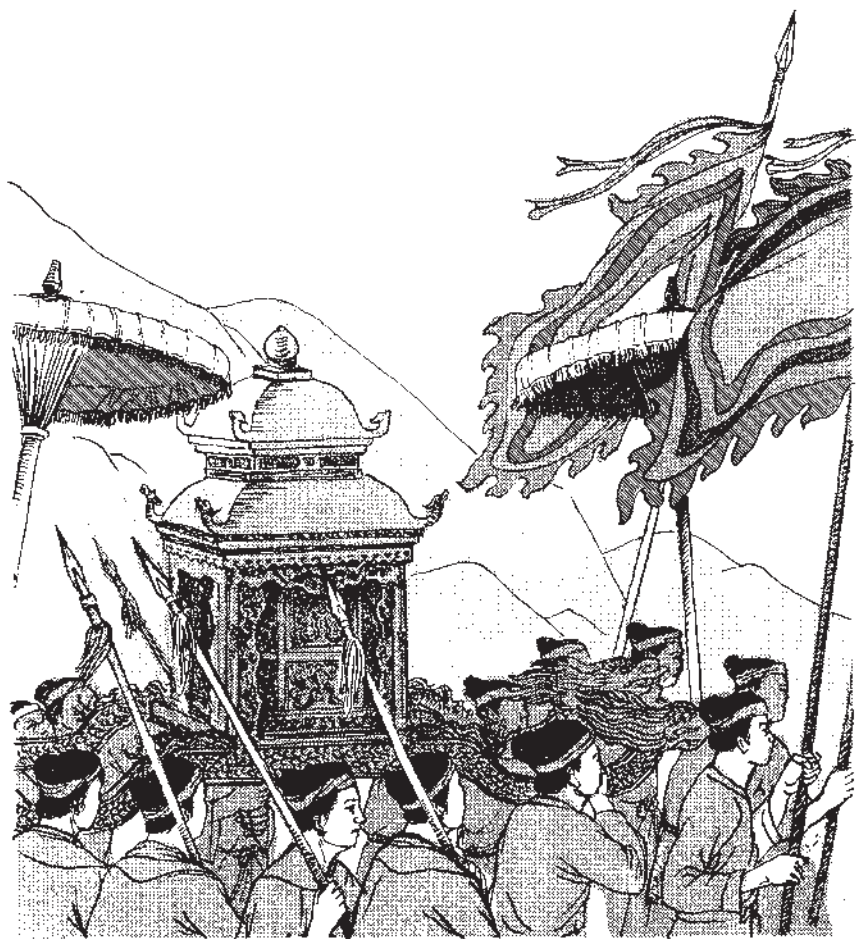
Nhưng hoàng tử thứ tư là Khai Quốc vương lại chiếm Trường Yên (Hoa Lư) làm căn cứ, buộc nhà vua phải thân chinh đi đánh dẹp. Vốn là người từng quen trận mạc, chẳng mấy chốc, nhà vua vây khốn thành Hoa Lư. Thấy không chống cự nổi, Khai Quốc vương đầu hàng. Nhà vua xuống chiếu tha tội cho em. Trước tấm lòng cao cả ấy, mấy người em cảm động, từ đó hết lòng giúp đỡ anh trong việc trị nước, dẹp loạn.



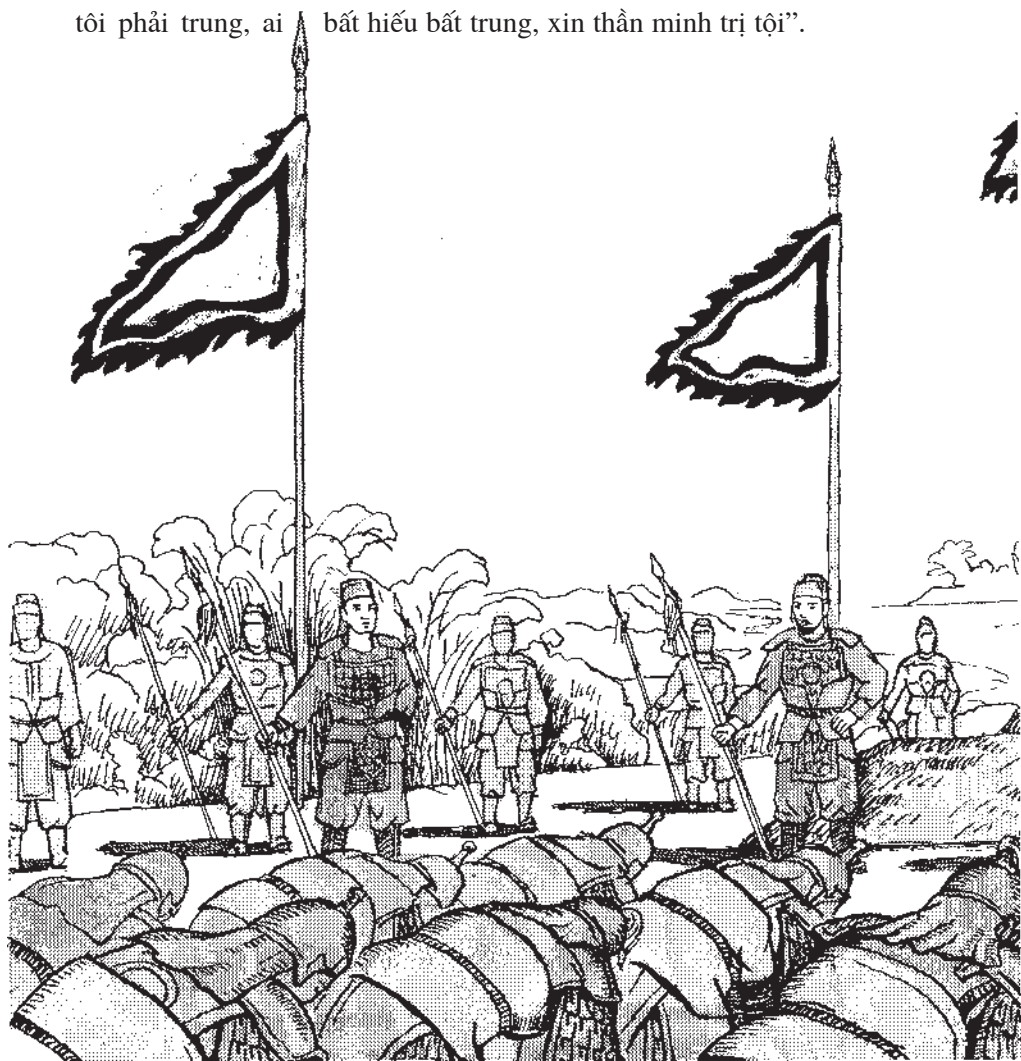
Tuy sẵn sàng tha thứ cho các em, nhưng nhà vua vẫn không quên giáo dục họ cùng các quan lại biết tôn trọng lòng trung nghĩa. Một hôm, vua kể rằng, vào đêm trước khi ba vương nổi loạn, thần Đồng Cổ đã báo mộng cho biết trước, nhờ thế ngài để phòng sẵn nên không bị hại. Đồng Cổ có nghĩa là trống đồng. Người Việt vốn tôn sùng trống đồng, từ thời mới dựng nước nên đã thần linh hóa trống đồng, gán cho trống đồng là một vị thần, gọi là thần Đồng Cổ.

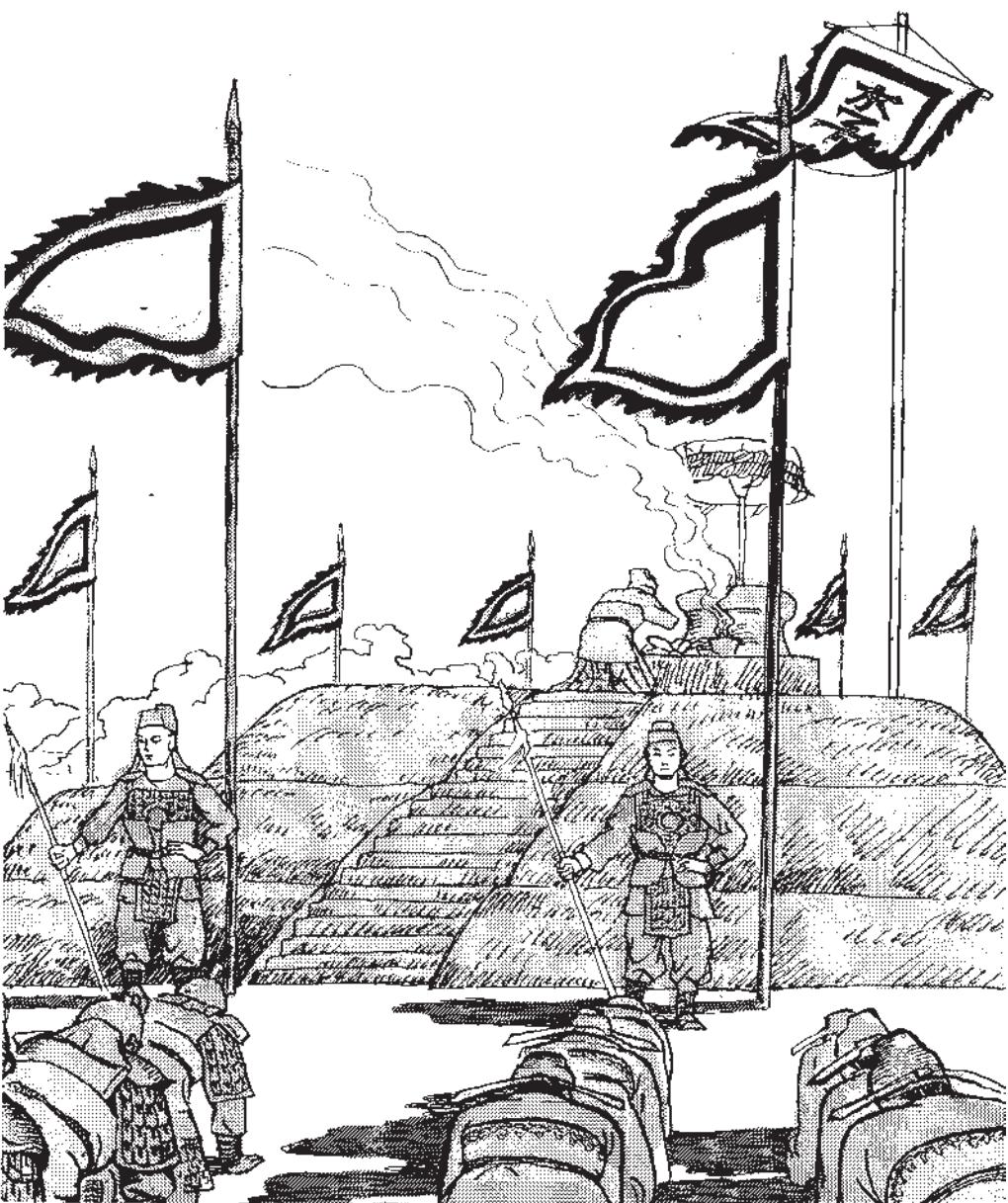


Tục truyền rằng núi Khả Phong ở Thanh Hóa là nơi ngự trị của thần Đồng Cổ. Thần rất linh thiêng, đã từng giúp vua Lý Thái Tổ dẹp yên nhiều cuộc nổi loạn. Nay lấy cớ trả ơn thần đã báo mộng, nhà vua sắc phong cho thần Đồng Cổ tước vương và cho dựng đền thờ ở trong kinh thành, phía sau chùa Thánh Thọ, rồi làm lễ rước thần từ núi Khả Phong về Thăng Long.



Xong xuôi, nhà vua cho tiến hành lễ thề ở đây. Lễ thề được cử hành rất trang nghiêm. Đàn cao được dựng lên trong đền Đồng Cổ, cờ xí đủ màu rực rỡ cắm trên đàn, còn guơm giáo thì treo trước thần vị. Quân thần, hoàng tử, áo mũ chỉnh tề, từ cửa phía đông đi vào đền, đến quỳ trước đài, cùng uống máu và đọc lời thề: “Làm con phải hiếu, làm tôi phải trung, ai bất hiếu bất trung, xin thần minh trị tội”.

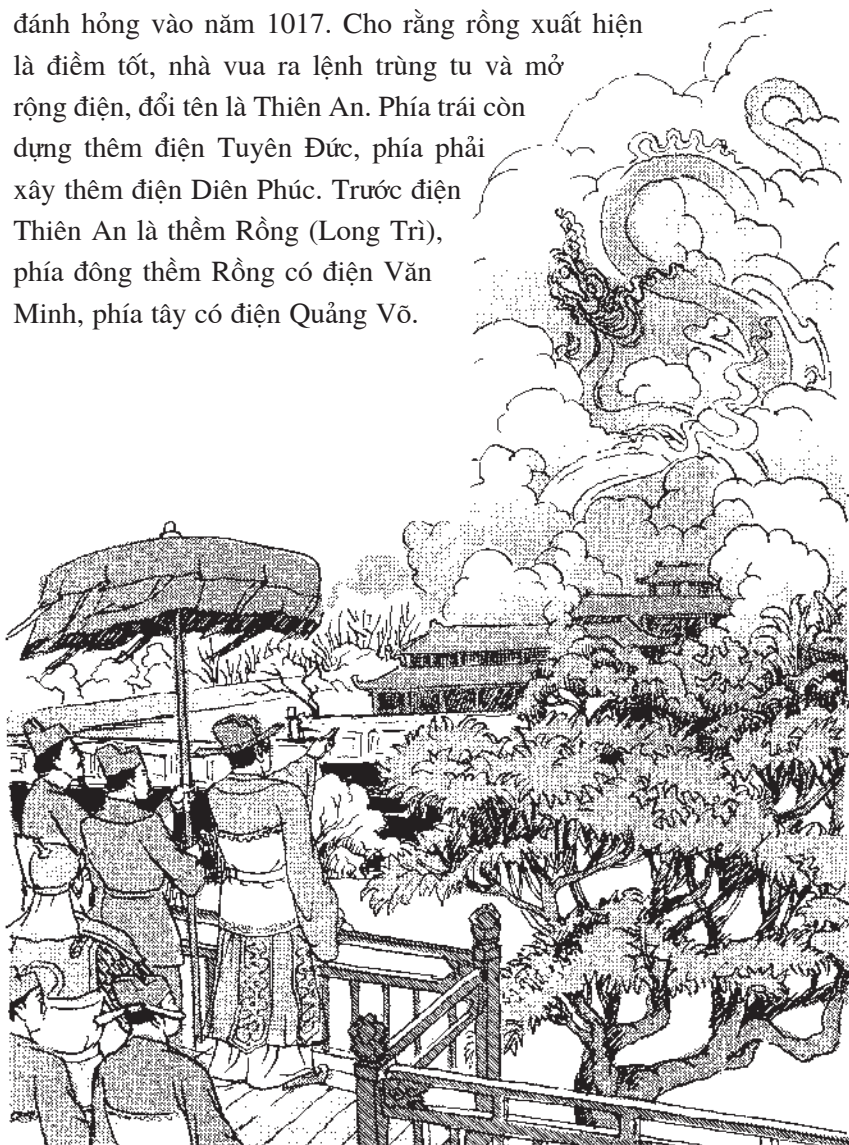


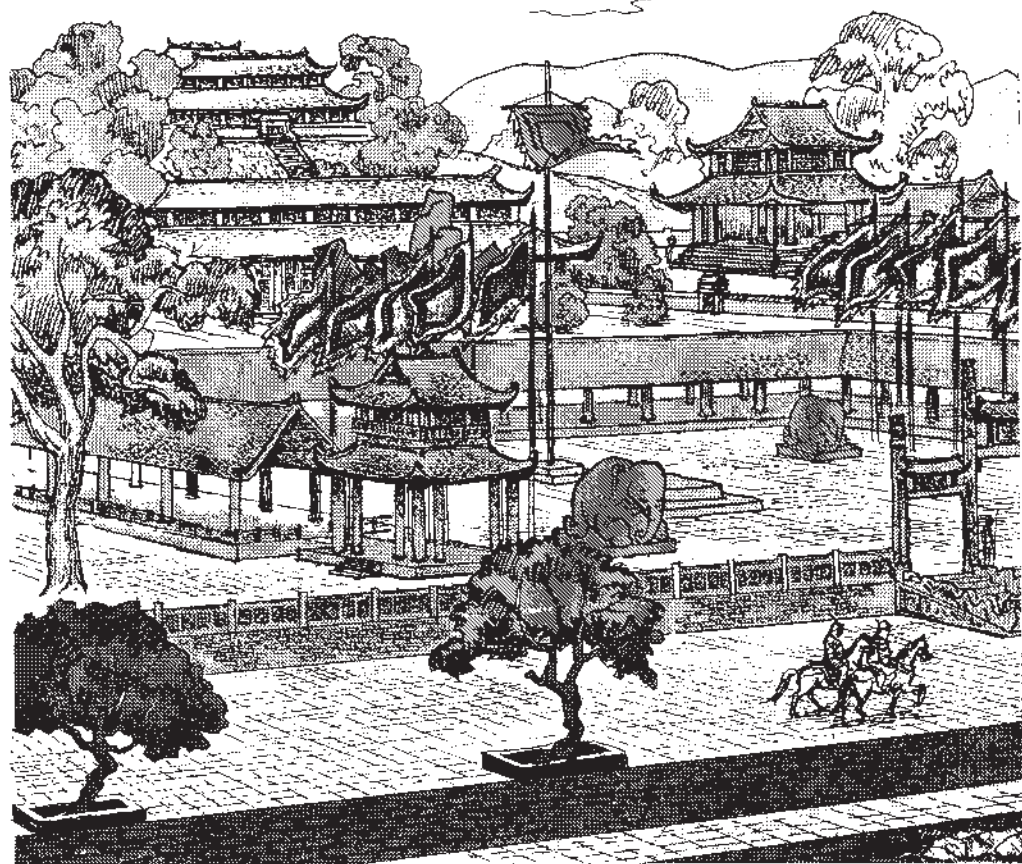


Từ đó hàng năm, vào ngày 4 tháng 4 âm lịch, lễ thề ở đền Đồng Cổ được tiến hành đều đặn. Không một ai được quyền vắng mặt. Ai trốn dự lễ sẽ bị phạt 50 trượng. Việc làm này cũng góp phần ổn định trật tự trong triều đình cũng như trong hoàng gia. Ai nấy lo làm phận sự của mình, không dám có ý tiến đoạt, sợ thần Đồng Cổ quả phạt.

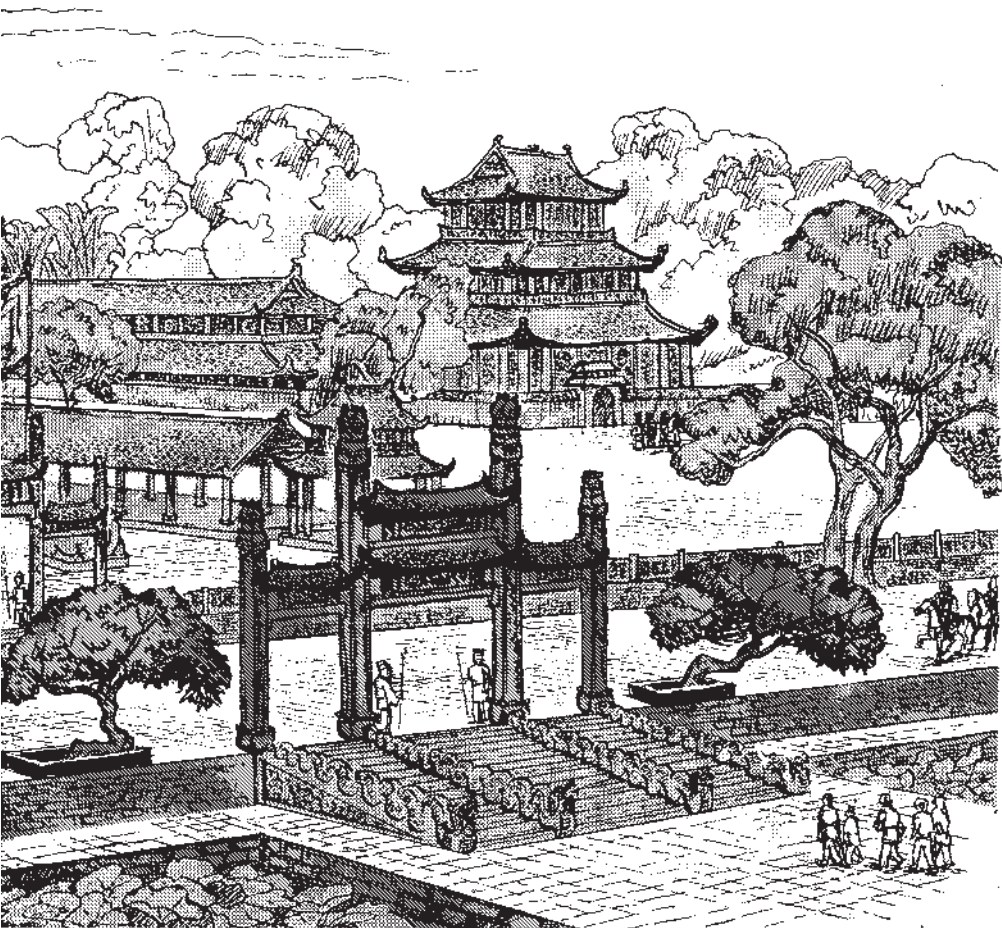


Tục truyền rằng lên ngôi vua được chừng một năm, một hôm, vua chợt thấy rồng xuất hiện ở điện Càn Nguyên. Điện Càn Nguyên vốn là nơi coi châu của vua Lý Thái Tổ và đã bị bỏ phế vì sét đánh hỏng vào năm 1017. Cho rằng rồng xuất hiện là điềm tốt, nhà vua ra lệnh trùng tu và mở rộng điện, đổi tên là Thiên An. Phía trái còn dựng thêm điện Tuyên Đức, phía phải xây thêm điện Diên Phúc. Trước điện Thiên An là thềm Rồng (Long Trì), phía đông thềm Rồng có điện Văn Minh, phía tây có điện Quảng Võ.





Nhà vua còn cho xây hai lầu chuông đối nhau hai bên thềm Rồng để dân có việc đến kêu oan. Xung quanh thềm Rồng có hành lang để quan lại hội họp và quân lính canh gác. Đằng trước thềm Rồng làm thềm điện Phụng Thiên, trên điện xây lầu Chánh Dương để làm nơi xem giờ khắc. Ngoài ra ở phía sau còn có điện Trường Xuân với gác Long Đồ dùng làm chỗ nghỉ ngơi, ngắm cảnh cho nhà vua sau những buổi làm triều căng thẳng.



Năm sau (1030), vua lại cho dựng điện Thiên Khánh, cất thêm lầu Phượng Hoàng. Điện Thiên Khánh là nơi vua lâm triều làm việc với các quan. Đất nước càng ngày càng hưng thịnh, vua lại cho mở ba khu vườn Quỳnh Lâm, Thắng Cảnh, Xuân Quang (1048). Rồi để tô điểm cho cảnh quan thêm phong phú, vào năm 1050, vua lại cho đào hồ bán nguyệt Thụy Thanh và ao Ứng Minh tại vườn Thắng Cảnh.

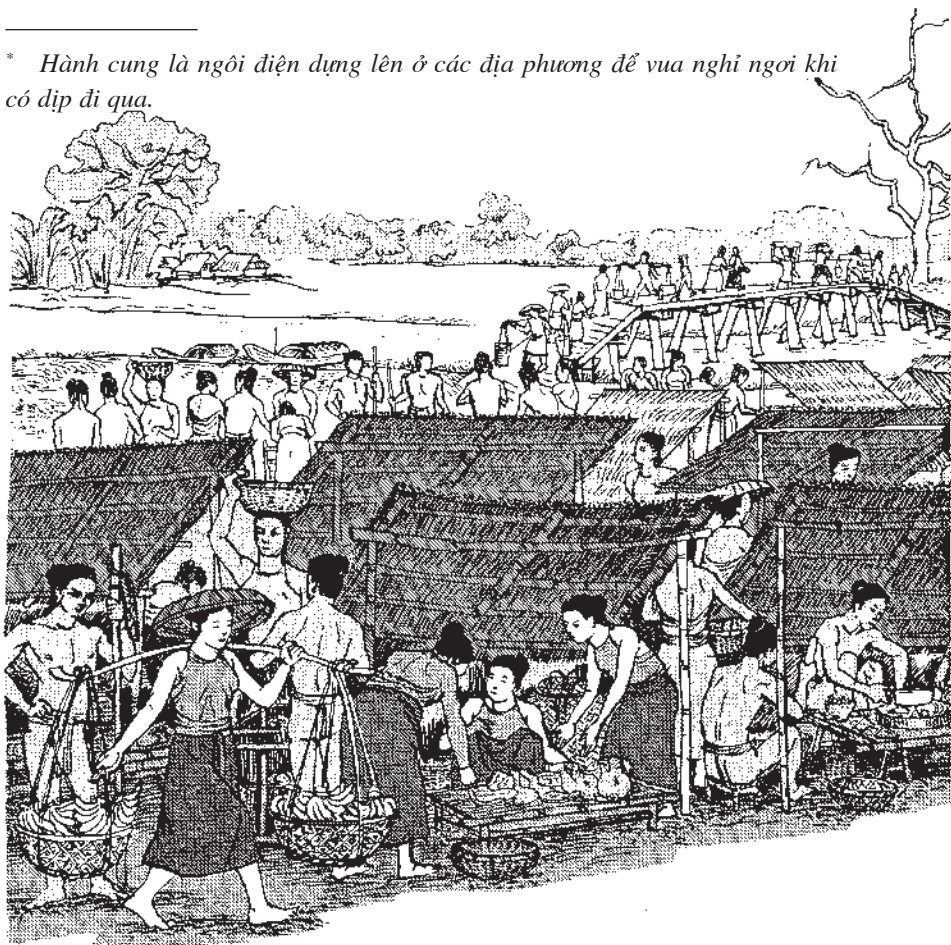


Một lần vào năm 1049, thợ đang đào hồ tại vườn Thượng Uyển thì bỗng nhiên một khối vàng sáng chói trời lên. Khối vàng nặng đến 50 lượng. Hân hoan trước việc lạ, nhà vua đặt tên cho hồ là Kim Minh Vạn Tuế (vàng sáng vạn năm). Để cho hồ thêm sinh động, nghệ nhân lại xây ba chòm núi đá ở trên rồi bắc một chiếc cầu uốn lượn qua, gọi là cầu Vũ Phụng, trông chẳng khác gì chốn bồng lai tiên cảnh, chứng tỏ tâm hồn nghệ thuật phong phú của người Việt thời ấy.



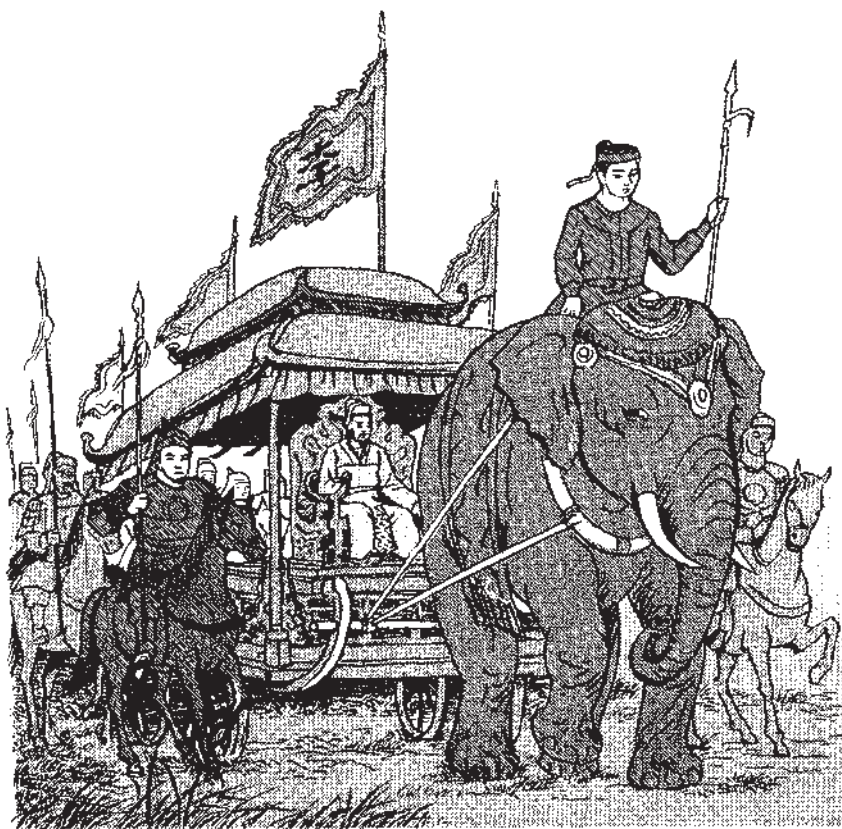
Vua thường đến Hoan châu thăm thú tình hình dân chúng nên cho xây tại đó một hành cung* và đổi tên Hoan châu thành Nghệ An. Từ đấy danh xưng Nghệ An xuất hiện. Nhà vua cũng chú ý đến việc xây cất phục vụ đời sống dân chúng. Ngài cho bắc cầu Thái Hòa ở sông Tô Lịch, cất chợ Tây và chợ Trường Lan (1035), lại còn mở chợ ở phía đông kinh thành. Hàng quán chen chúc sát tới bên đền Bạch Mã, tạo ra một cảnh phồn thịnh chưa từng có.

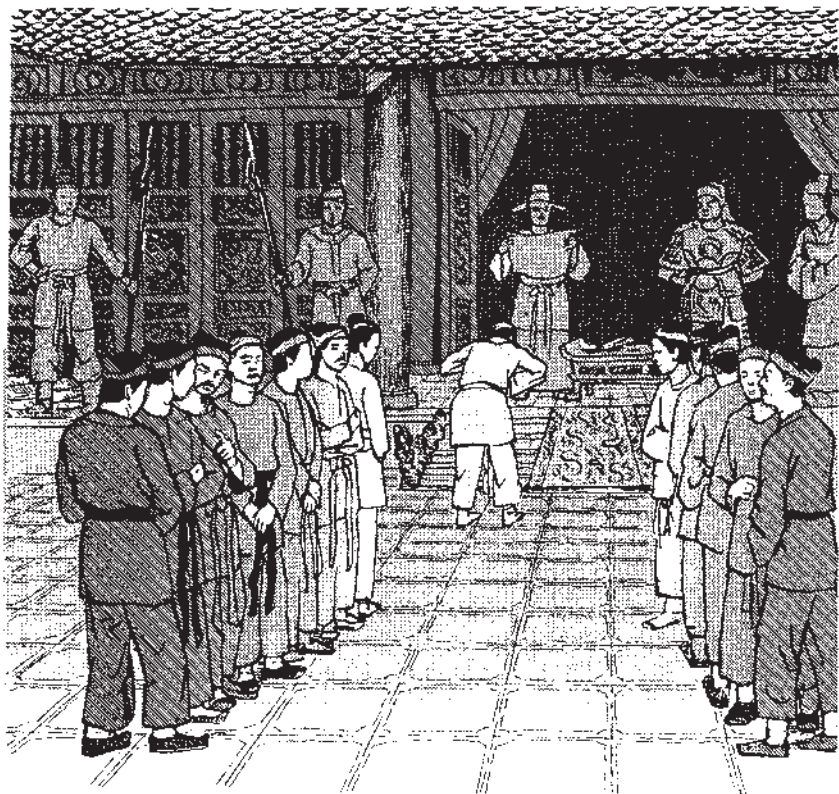
* *Hành cung là ngôi điện dựng lên ở các địa phương để vua nghỉ ngơi khi có dịp đi qua.*



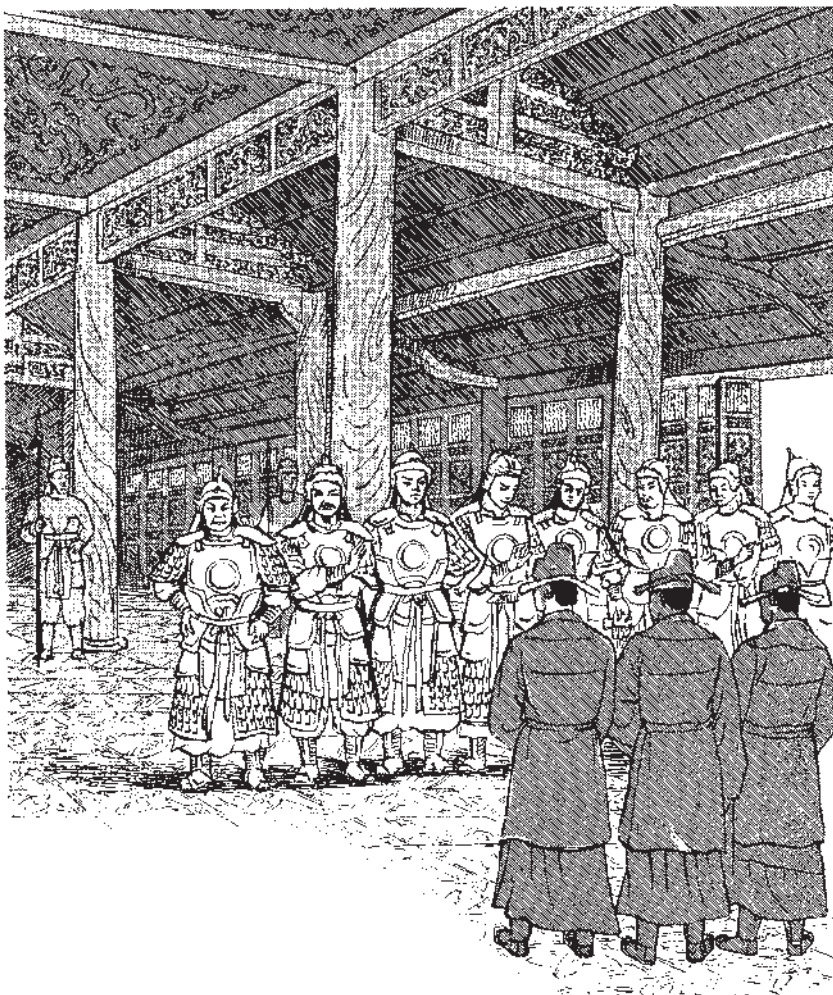


Quan tâm đến việc giao thông, năm 1042 nhà vua xuống chiếu cho các lộ đặt trạm gác mỗi nơi, chia đường ra từng đoạn để việc liên lạc, đi lại được dễ dàng. Vua lại cho đóng mấy trăm chiếc thuyền lớn, các thuyền đều có trang trí hình rồng, phượng, cọp, cá, rắn và chim anh vũ (1043). Ngoài ra còn cho chế tạo xe Thái bình, sơn son, thếp vàng, mui lợp lụa, do voi kéo.



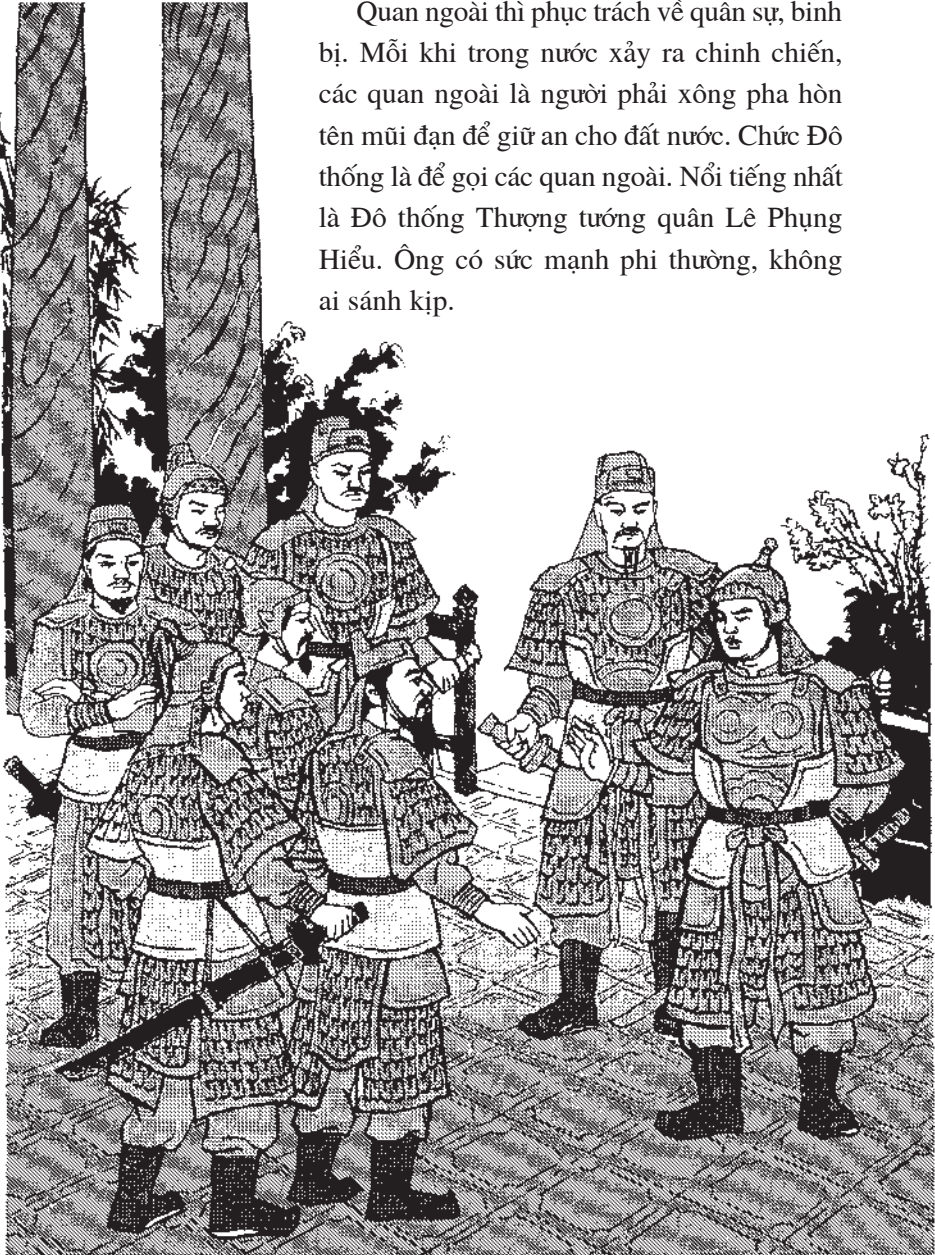


Để cai trị đất nước, vua có đông đảo quan lại tài giỏi giúp sức. Vua đặt ra các cuộc sát hạch để chọn người có năng lực. Sau đó, nếu không đủ, mới dùng đến con cái của các quan. Tuy nhiên, việc tuyển chọn vẫn còn nhiều điều không hợp lý. Chẳng hạn như con cháu của thợ thuyền hay con hát dù tài giỏi cũng không được sử dụng, trong khi người có tiền thì được mua chức, hoặc hễ là thân thích của hoàng hậu là được mang chức tước.

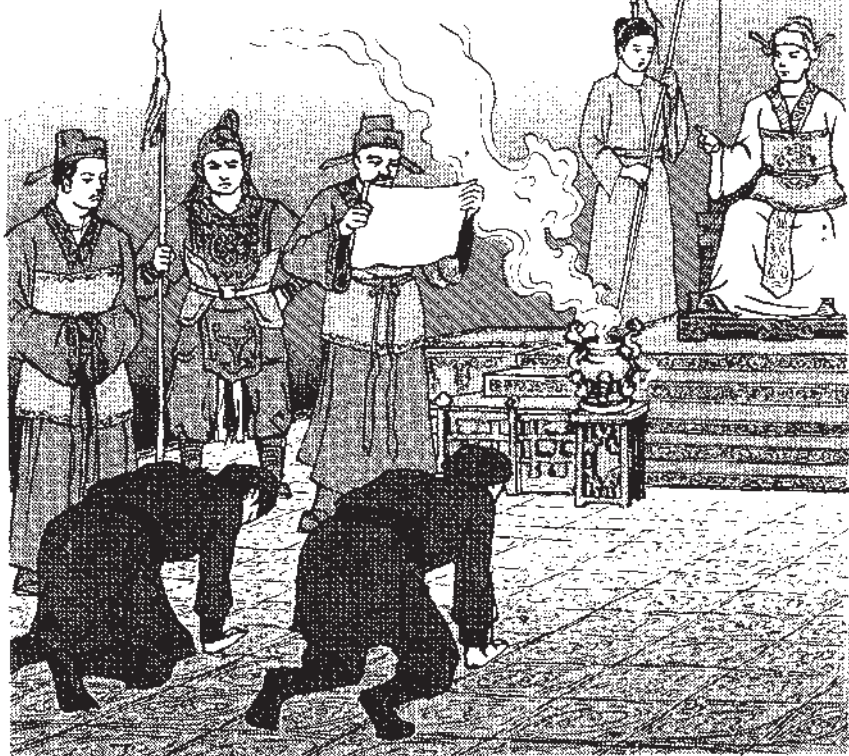


Vua phân loại các quan ra làm hai lĩnh vực: quan trọng và quan ngoài. Quan trọng lo việc quản lý dân chúng với các chức vụ như Thái sư, Thái phó, Thái bảo, Khu mật, Tả tham tri, Trung thư Thị lang, Hữu tâm phúc. Thời đó có các quan nổi tiếng như Hữu tâm phúc Lý Nhân Nghĩa, Thái sư Lương Nhiệm Văn, Thái phó Đinh Thượng Ngộ...

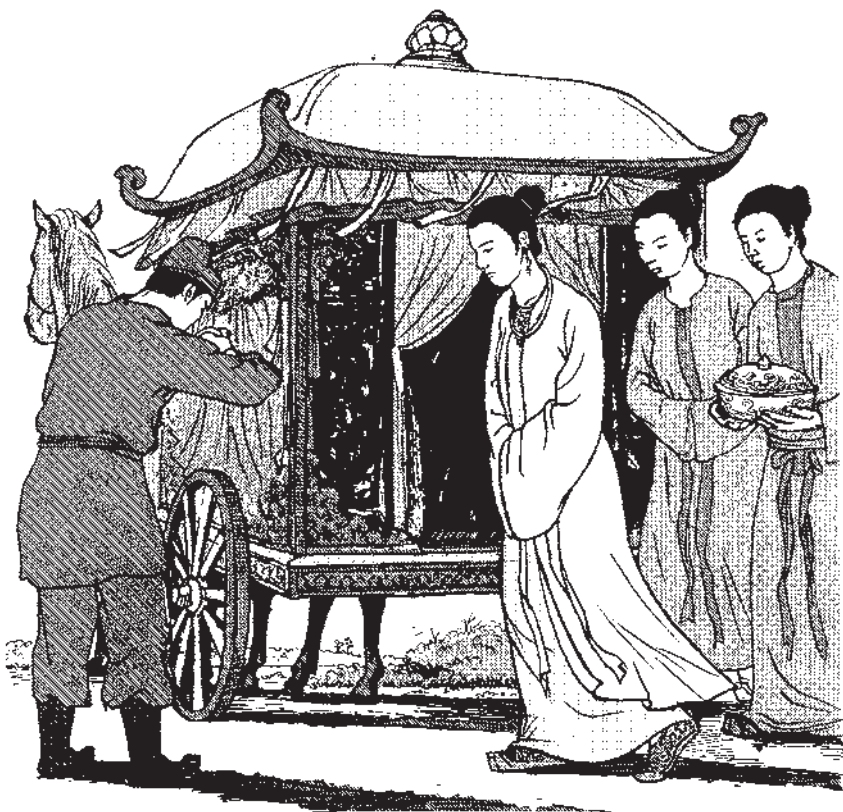
Quan ngoài thì phục trách về quân sự, binh bị. Mỗi khi trong nước xảy ra chinh chiến, các quan ngoài là người phải xông pha hòn tên mũi đạn để giữ an cho đất nước. Chức Đô thống là để gọi các quan ngoài. Nổi tiếng nhất là Đô thống Thượng tướng quân Lê Phụng Hiểu. Ông có sức mạnh phi thường, không ai sánh kịp.



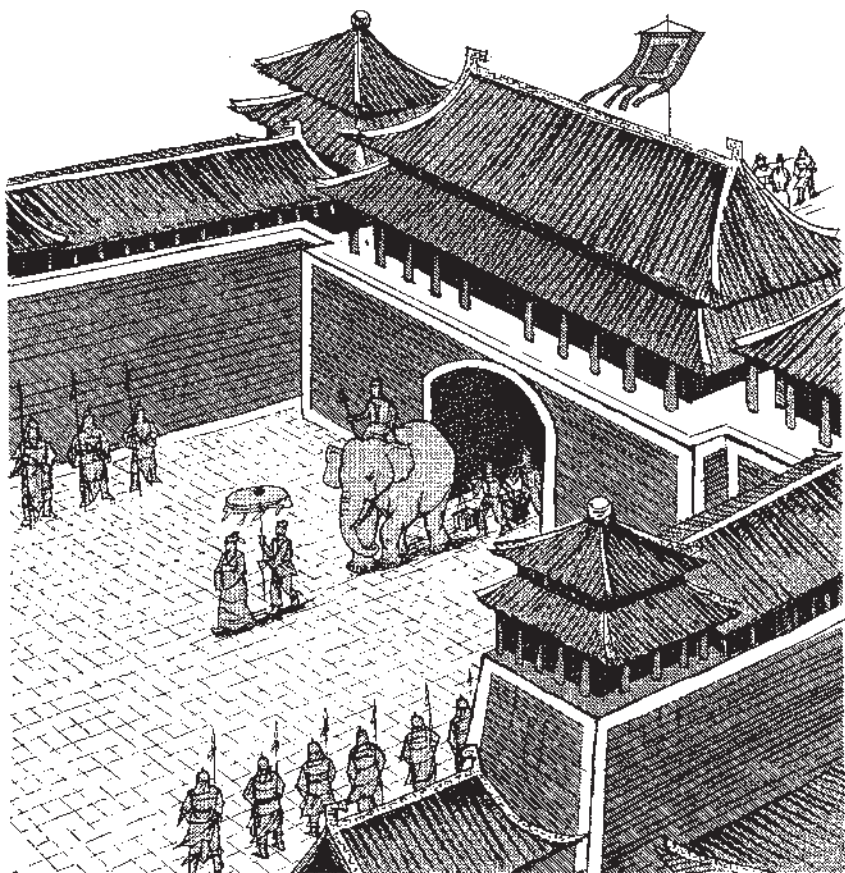
Để cai quản các vùng biên cương, vua đặt ra chức Châu mục và cử những người dân tộc tại chỗ giữ các chức ấy. Các quan Châu mục cai trị những nơi xa xôi thường hay có ý tự lập, muốn tách ra khỏi triều đình trung ương, khiến cho nhà vua vẫn thường phải cất quân đánh dẹp. Nhằm giữ hòa bình, có khi vua phải đem con gái của mình gả cho họ để tạo mối quan hệ thân thiết. Năm Kỷ Tỵ (1029), vua gả công chúa Bình Dương cho quan Châu mục châu Lạng là Thân Thiệu Thái.



Năm 1036, công chúa Kim Thành lại được gả cho quan Châu mục châu Phong là Lê Ninh Thuận, rồi sau đó đến lượt công chúa Trường Ninh về làm vợ Tù trưởng Thượng Oai là Hà Thiện Khoan. Những nàng công chúa cảnh vàng lá ngọc này, vì sự thanh bình của đất nước, vì quyền uy của triều đại; đã phải hy sinh cảnh lầu son gác tía nơi chốn cung đình, về sống nơi xa xôi, hẻo lánh. Sự hy sinh ấy ít người biết đến, nhưng lại vô cùng quý giá vì đã giải trừ được nhiều cảnh chiến tranh.



Với nhà Tống bên Trung Hoa, vua Lý Thái Tông giữ quan hệ thuận thảo, cũng nhận tước phong là Nam Bình vương và thường cho sứ qua thông hiếu. Có khi nhà vua cho đem một con voi đã dạy dỗ thuần thục sang tặng vua Tống, vua Tống biết vua Lý sùng đạo Phật, gửi tặng lại kinh Đại Tạng. Tuy vậy, để không có mâu thuẫn tại biên giới hai nước, vua Lý Thái Tông cho tiến hành việc phân ranh, xác định đất nào là đất Tống, đất nào là đất Việt.





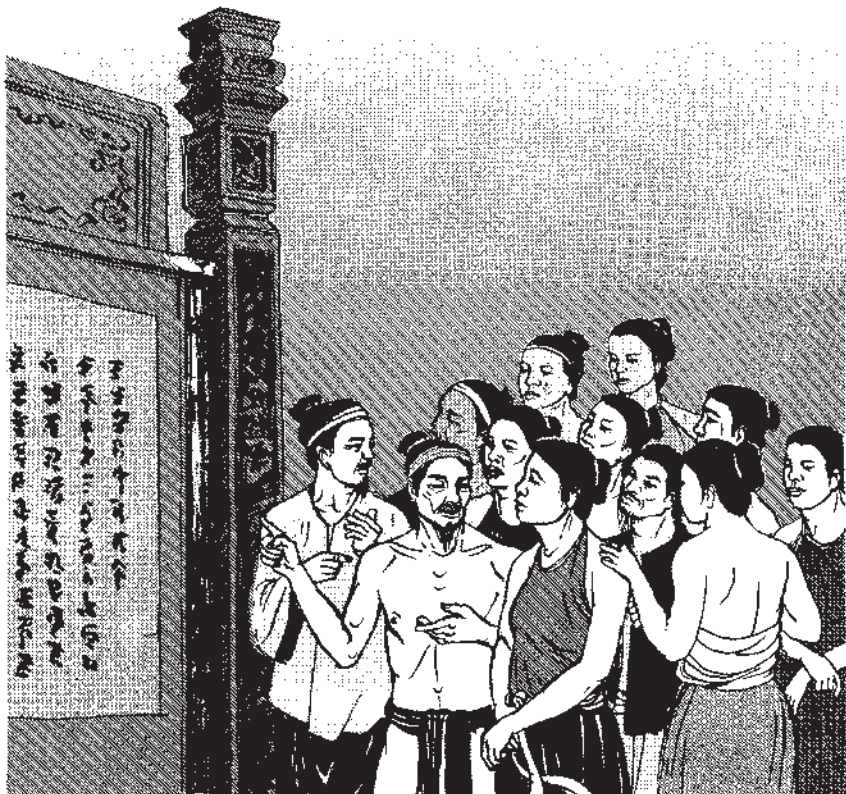
Các nước láng giềng nhỏ như Chân Lạp, Ai Lao cũng thường xuyên cho sứ thần đến thông hiếu và cống các sản vật địa phương. Để các sứ thần có chỗ lưu trú và nghỉ ngơi sau các cuộc hành trình gian nan, vào năm 1044, Lý Thái Tông cho xây sứ quán, gọi là trạm dịch Hoài Viễn, ở Gia Lâm (Hà Nội ngày nay). Năm sau, vì nhu cầu ngày càng tăng do việc đối ngoại phát triển, vua cho xây đến 7 trạm dịch. Sự chu đáo trong tiếp xúc ngoại giao như thế làm cho sứ thần các nước rất kính nể.

Để dạy dân tôn trọng phép nước và đề phòng quan lại tham ô, cậy quyền cậy thế hà hiếp dân lành, vua ra lệnh thành lập một ban biên soạn luật pháp. Bộ luật đầu tiên của đất nước được viết ra dưới triều Lý Thái Tông (1042), gọi là *Hình Thư*. Tiếc rằng, bộ luật này hiện nay đã thất truyền, ta chỉ còn biết được một số điều của nó nhờ các sách sử cũ khác nói đến.



Theo các sách ấy thì vua phân hình phạt ra nhiều loại, tội nào chịu theo hình phạt ấy. Có điều lệ cấm không cho mua bán con trai làm nô tỳ*. Ngoài ra, luật thời ấy còn cho phép những người già hay trẻ con được chuộc tội bằng tiền khi phạm tội nặng. Đáng kể nhất là luật cấm mổ trâu bò ăn thịt vì trâu bò là sức kéo trên đồng ruộng.

* Từ nô tỳ lúc này là chỉ nô lệ cả trai và gái.

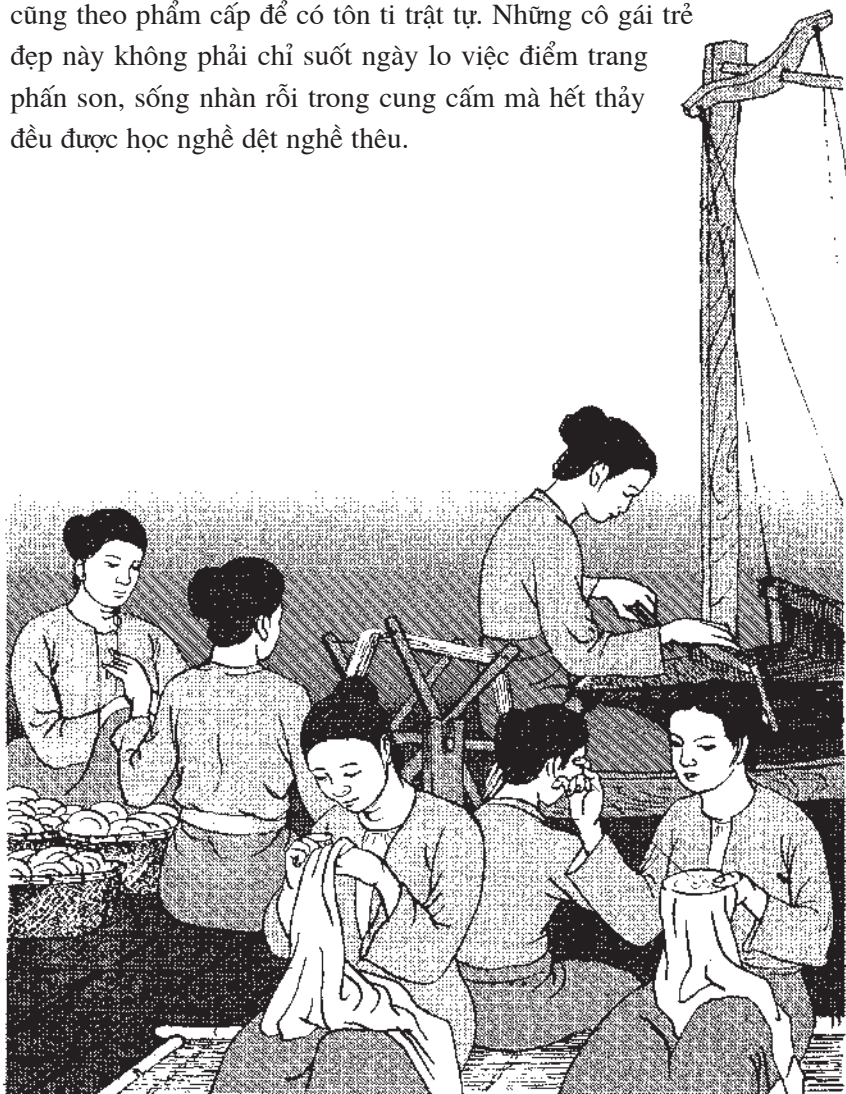


Để đánh dấu sự kiện nước ta có luật pháp, Lý Thái Tông đổi niên hiệu* thành Minh Đạo (nghĩa là con đường sáng) và cho đúc tiền mới, cũng gọi là tiền Minh Đạo. Bên cạnh bộ luật ấy, vua vẫn duy trì hai lầu chuông kêu oan. Không những thế, vào năm 1053, vua lại cho đúc thêm chuông kêu oan đặt ở Long Trì và truyền rằng hễ có người dân nào đến đánh chuông ấy để bày tỏ, đích thân nhà vua sẽ đứng ra phân xử.

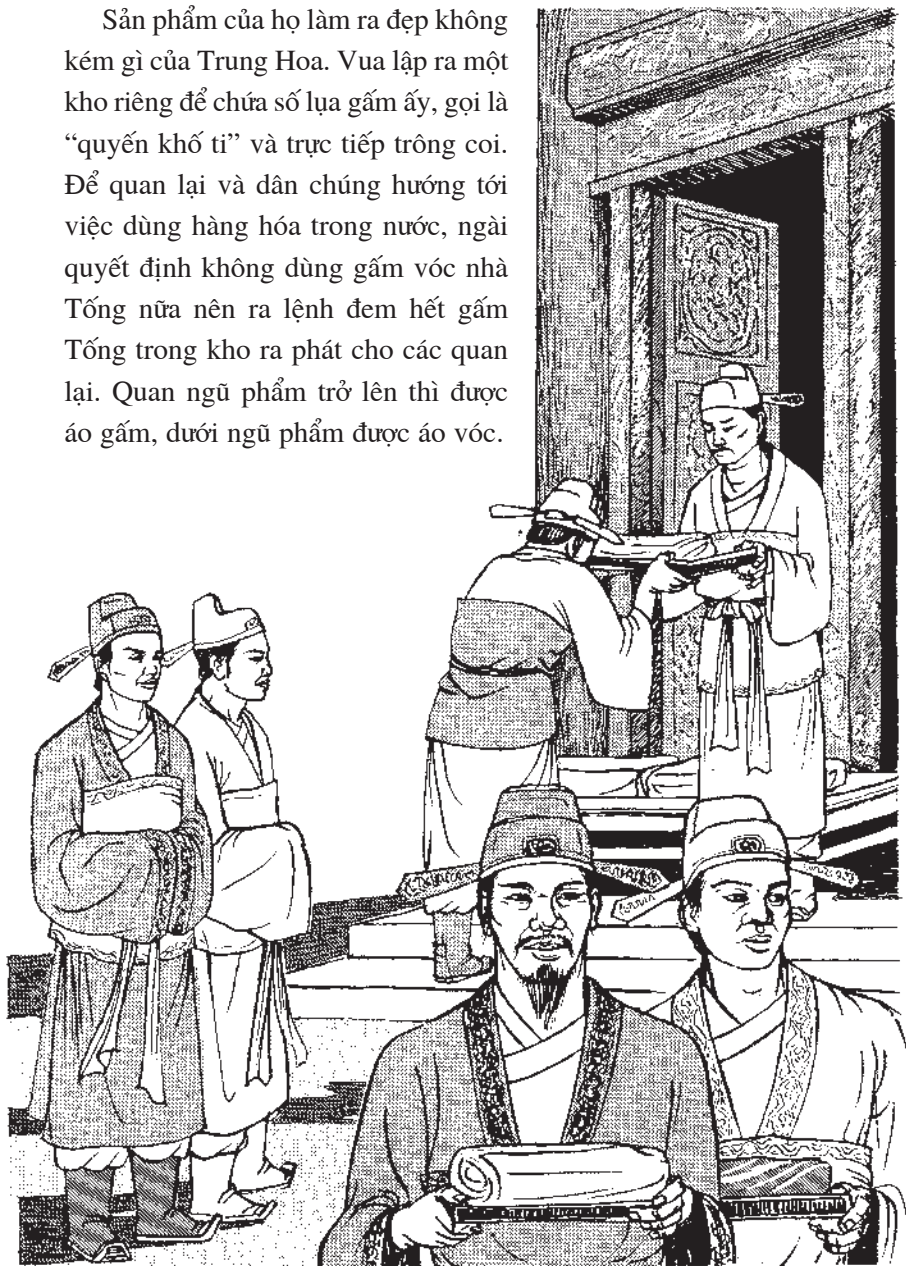
* Các vua triều Lý nhận một sự kiện gì đó thường hay thay đổi niên hiệu.



Nước đã có luật pháp, từ đấy chấm dứt lối cai trị tùy tiện, bất công. Mọi người vô cùng hân hoan, an tâm sinh sống. Vua cũng đặt ra luật lệ trong cung, định rõ ràng số phi, cung nữ, nhạc kỹ như sau: hậu và phi 13 người, ngự nữ 18 người, nhạc kỹ 100 người. Các cung nữ cũng theo phẩm cấp để có tôn ti trật tự. Những cô gái trẻ đẹp này không phải chỉ suốt ngày lo việc điểm trang phấn son, sống nhàn rỗi trong cung cấm mà hết thảy đều được học nghề dệt nghề thêu.



Sản phẩm của họ làm ra đẹp không kém gì của Trung Hoa. Vua lập ra một kho riêng để chứa số lụa gấm ấy, gọi là “quyển khố ti” và trực tiếp trông coi. Để quan lại và dân chúng hướng tới việc dùng hàng hóa trong nước, ngài quyết định không dùng gấm vóc nhà Tống nữa nên ra lệnh đem hết gấm Tống trong kho ra phát cho các quan lại. Quan ngũ phẩm trở lên thì được áo gấm, dưới ngũ phẩm được áo vóc.



Sau đó, trong triều đình, từ vua đến quan đều dùng lụa gấm do các cung nữ hoặc dân chúng dệt. Nhờ vậy, nghề trồng dâu, dệt lụa trong nước phát triển chưa từng có. Những nơi dệt lụa nổi tiếng của thời ấy là làng Nghĩ Đô bên bờ sông Tô Lịch, làng Nghi Tàm bên cạnh Hồ Tây (Hà Nội ngày nay).





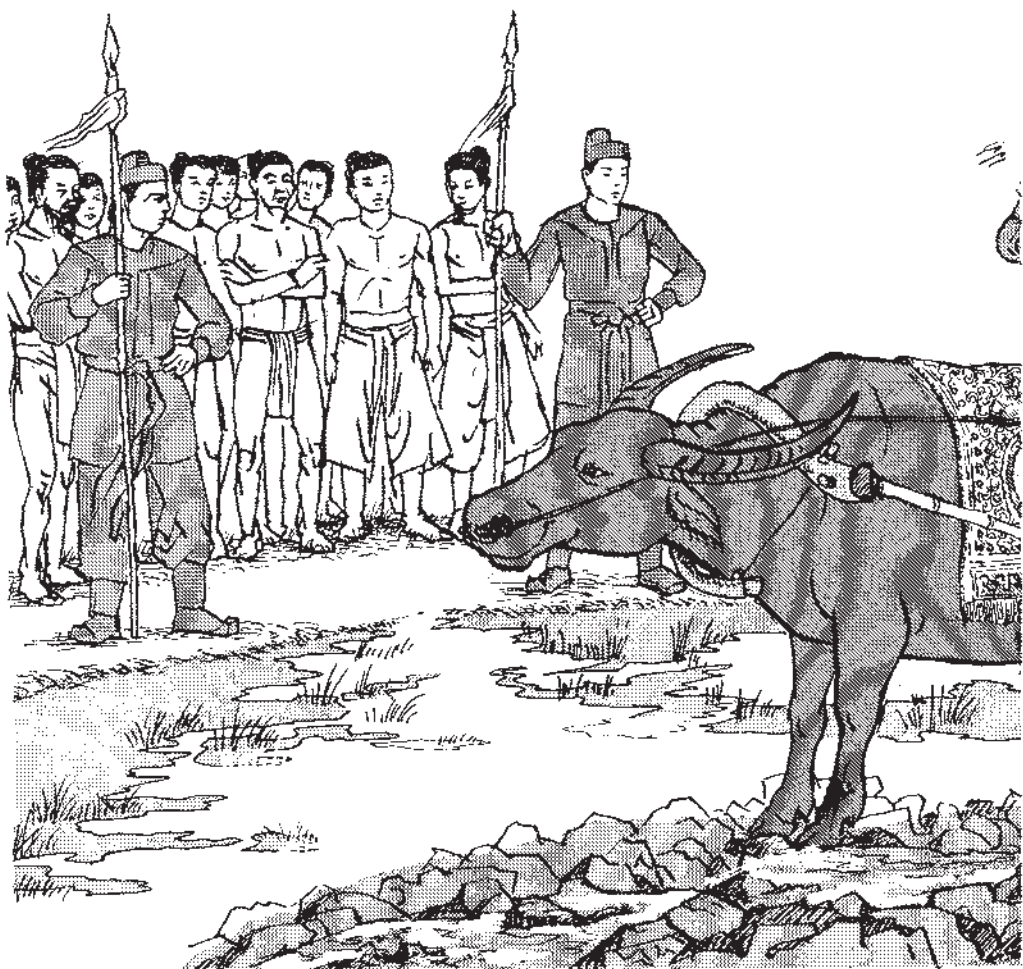
Để khuyến khích nông dân lo việc đồng ruộng, hàng năm, vào đầu vụ mùa, Lý Thái Tông vẫn đi làm lễ Tịch Điền*. Có năm, ruộng vua cấy cho giống lúa nở đến 9 bông làm ngài hết sức vui mừng. Ngoài ra, vua thường đi về các làng quê xem nhân dân cấy cấy, gặt hái, nhất là vào những năm cả nước đều được mùa.

* Tức là nhà vua cấy một đường cấy tượng trưng. Lễ này đã được hình thành từ thời vua Lê Đại Hành với mục đích khuyến khích nông nghiệp.



Tuy thế, có những nịnh thần lại muốn can vua đừng làm lễ Tịch Điền. Chẳng hạn vào năm 1038, nhà vua ngự ra Bồ Hải Khẩu (huyện Vũ Tiên, tỉnh Thái Bình ngày nay) để làm lễ cày ruộng. Sau khi vua tế Thần nông xong, đang cầm cày xuống ruộng định cày mấy đường thì có quan can rằng:

- Đó là việc của nông phu, bệ hạ cần gì phải làm thế!





Vua đáp:

- Trẫm không tự cày thì lấy gì làm xôi cúng, lấy gì để xướng xuất thiên hạ?

Thế rồi vua tiếp tục thúc trâu kéo cày cho đến khi mệt mới nghỉ. Ngoài ra, vua còn lập xã đàn ở ngoài cửa Trường Quảng để làm nơi cầu cúng thần Lúa bốn mùa (1048).



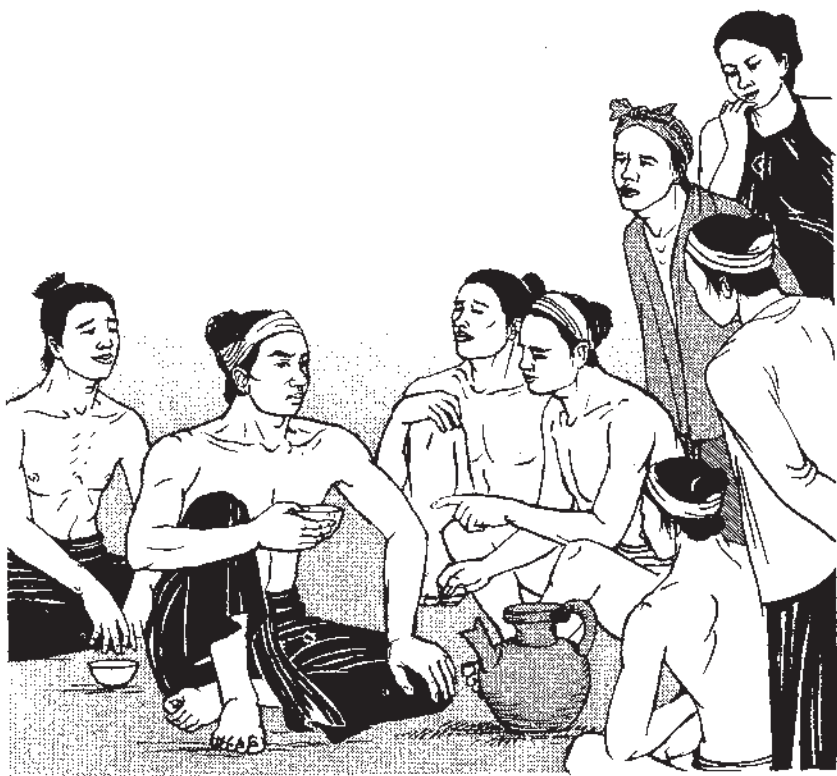
Được sự quan tâm của vua, trong nước liền tiếp trúng mùa to. Dân chúng vô cùng sung sướng. Ai nấy lo việc đồng áng. Ruộng đất trở nên rất quý, là thứ của cải sáng giá nhất thời ấy. Ai có công lớn đều được vua đem ruộng cấp cho. Ruộng cấp cho công thần được gọi là “thác đao điền” (ruộng ném đao). Tên gọi này phát khởi ra từ người tướng vũ dũng Lê Phụng Hiểu.



Lê Phụng Hiểu là người làng Bạng Sơn, Ái châu (nay là Dương Sơn, Hoàng Hóa, Thanh Hóa), nổi tiếng có sức khỏe hơn người. Từ nhỏ ông đã ăn uống khác thường, mỗi bữa phải vài đấu gạo mới lửng bụng, còn sức uống thì không chừng. Nhà nghèo, Phụng Hiểu sống bằng nghề đốn củi. Tương truyền rằng, khi kiếm củi, ông chỉ dùng tay không nhổ bật cây to cả ngọn lẫn rễ, hay nhổ cả bụi tre rồi cứ thế vác về nhà.



Trong dân gian còn lưu truyền một giai thoại về sức khỏe của ông như sau: Bấy giờ có dân làng Đàm Xá tranh cướp ruộng đất của làng Cổ Bi. Hai làng đánh nhau liên tục, bất phân thắng bại. Sau cùng có người dân làng Cổ Bi nghe truyền tụng về sức mạnh của Phụng Hiểu, tay không có thể đánh thắng cả một đội quân, bèn mời về thiết đãi và nhờ vả. Vốn yêu công bằng, Phụng Hiểu sẵn sàng giúp đỡ làng Cổ Bi.



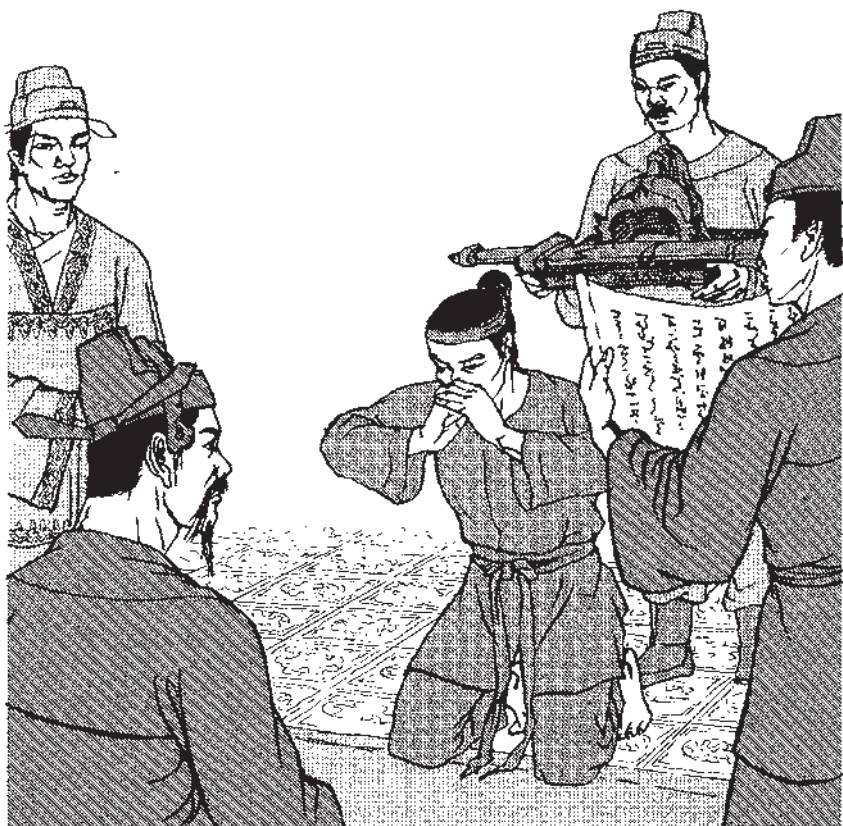
Sau khi ăn một nồi com to và uống cạn một vò rượu lớn, Phụng Hiểu nhổ một cây cỏ thụ ven đường rồi xông vào đám trai tráng làng Đàm Xá. Chỉ nhìn thấy thế là tất cả cong lưng chạy dài, không còn dám bén mảng đến nữa. Dân Cổ Bi hân hoan lấy lại ruộng. Từ đấy tiếng tăm của Phụng Hiểu nổi lên như cồn.



Một hôm đang gánh củi từ rừng về, giữa đường, nghe tin nhà vua tuyển quân, ông mừng quá, vội quăng hai bó củi đi hai nơi, hối hả đến ghi tên. Dân làng bảo rằng hai bó củi ông ném đi, rơi cách xa nhau đến nửa ngày đường. Nơi bụi tre rơi xuống là thôn Hạ Đình (bây giờ là làng Từ Trọng, huyện Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hóa), sau này trở thành một rừng tre tươi tốt, được gọi là rừng Trúc Cương.



Thấy ông có sức khỏe hơn người, vua Lý Thái Tổ đưa ông vào toán quân Túc vệ; dần dần nhờ giỏi võ, ông được thăng làm Võ vệ Tướng quân. Về sau, khi loạn ba vương nổi lên, ông phù trợ Thái tử trừ yên được. Khi đã lên ngôi, Lý Thái Tông phong ông làm Đô thống Thượng tướng quân, coi hết quân đội của triều đình.

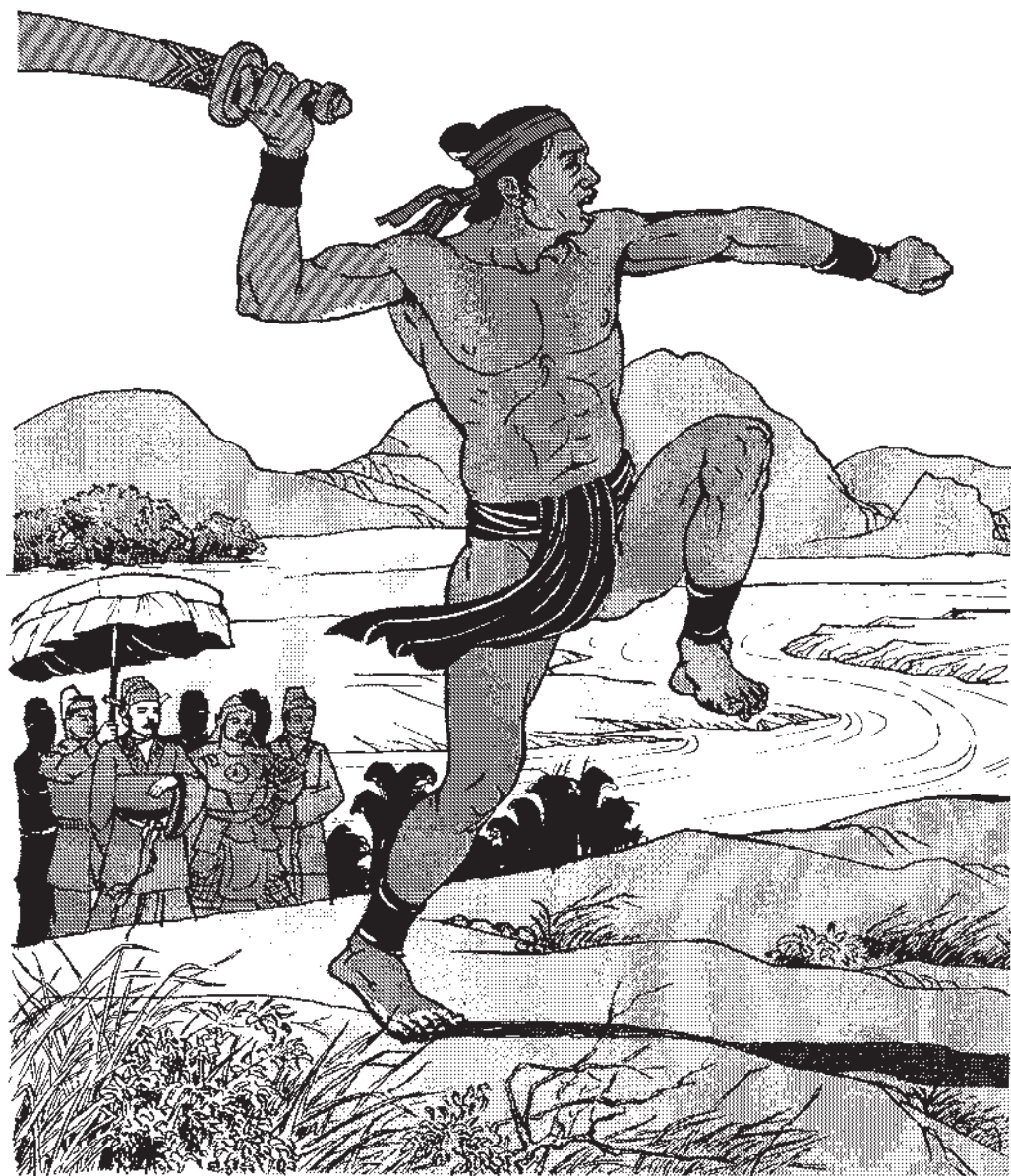


Ông thường theo vua Lý Thái Tông đi tiêu trừ những kẻ nổi loạn, cướp bóc, đem bình yên cho đất nước. Vì công lao đó, một hôm nhà vua bảo:

- Ta định ban thưởng cho ngươi. Vậy hãy cho ta biết ngươi muốn chức tước hay vàng bạc?

- Tâu bệ hạ, thần không muốn quan tước, vàng bạc gì, chỉ xin được đứng trên núi Băng Sơn ở quê nhà, ném thanh đại đao, hễ đao rơi đến đâu thì xin nhận đất đến đấy, để giữ đời truyền cho con cháu.





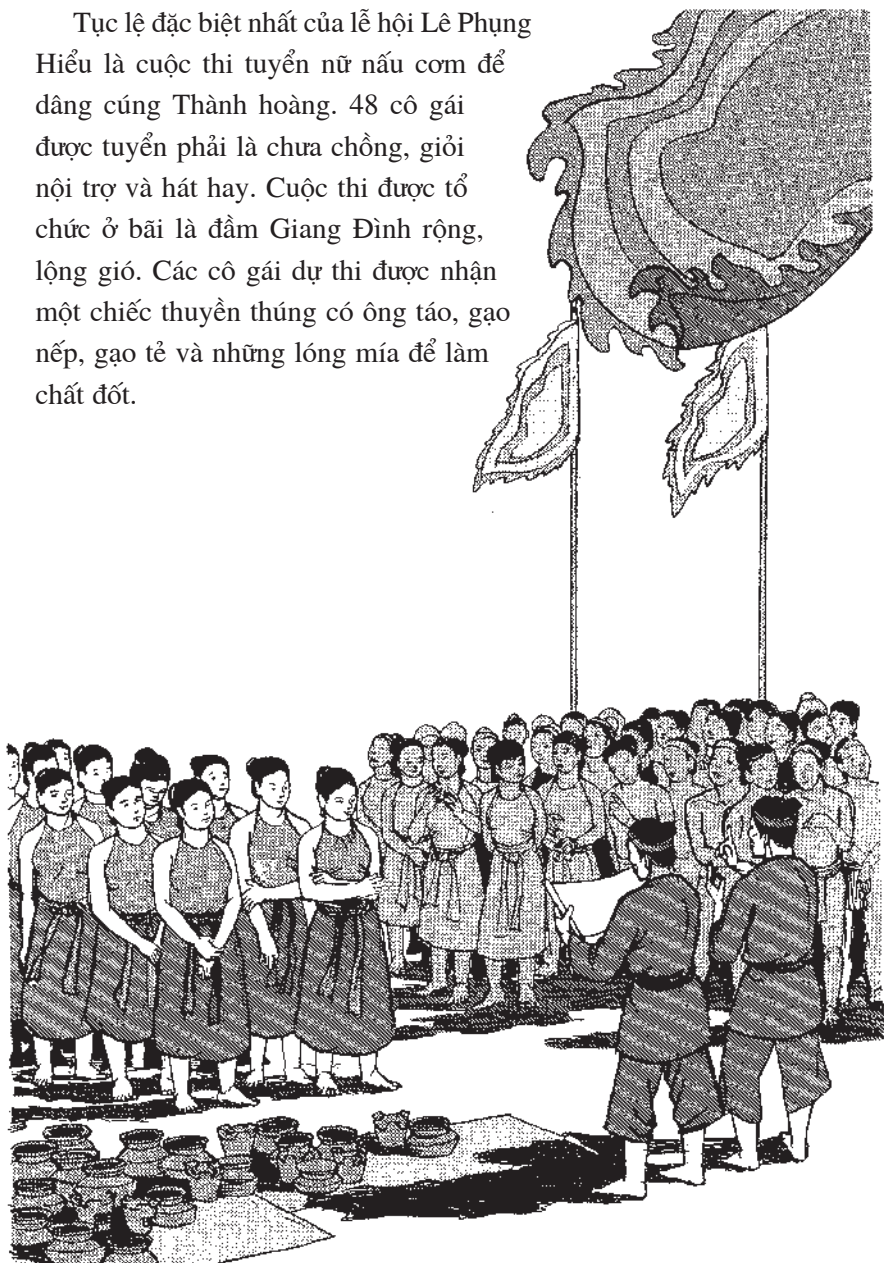
Vua y cho. Lễ ném đao được tổ chức trên hòn Bông Sơn, dân chúng kéo đến xem đông như đi hội. Dứt ba hồi trống, Lê Phụng Hiểu cỡi trần, đóng khố, tay cầm thanh đại đao nặng chình chịch quay tít mấy vòng lấy đà rồi dang thẳng tay ném. Sức mạnh của ông làm thanh đao bay xa đến 10 dặm mới rơi xuống đất làng Đa My. Giữ lời hứa, vua lấy vùng đất ấy ban cho ông. Từ đó, ruộng do có công mà được thưởng thì gọi là “ruộng ném đao”.



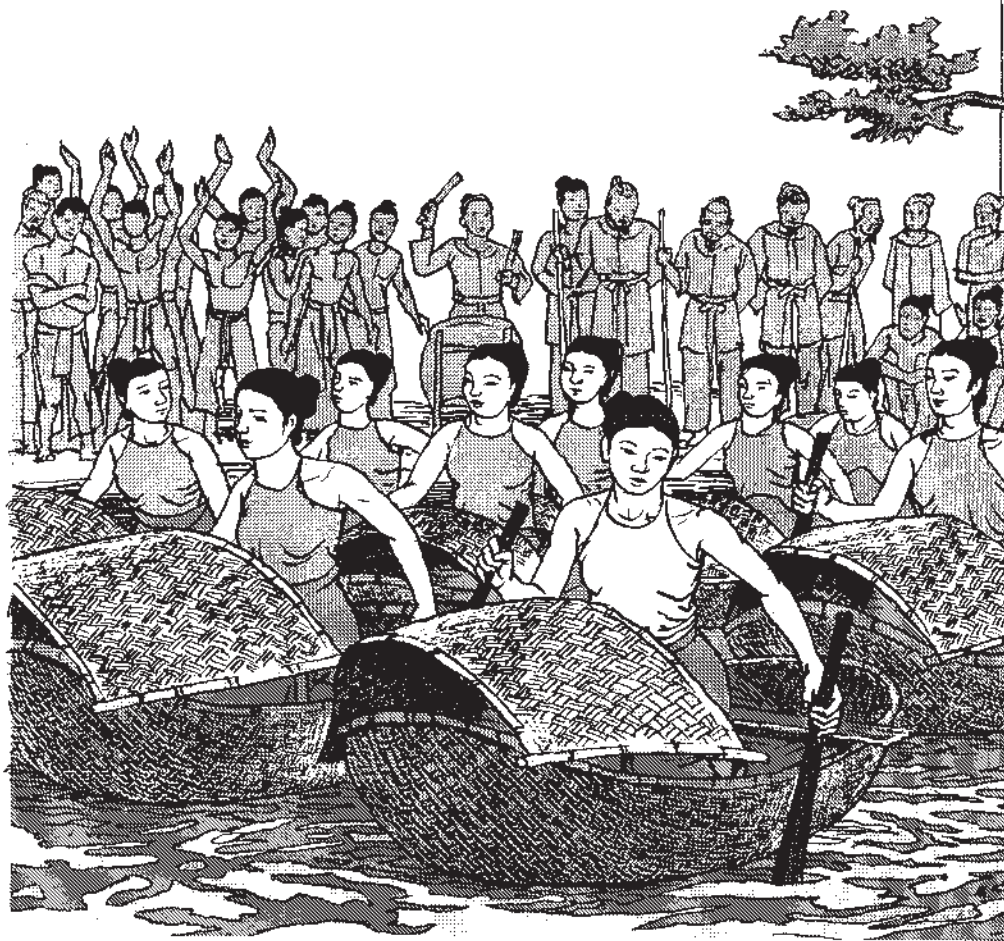
Lê Phụng Hiểu mất năm 77 tuổi, được phong làm Phúc thần, được lập miếu thờ. Nơi thờ chính là đền Mã Cương ở thôn Hạc Đình, chỗ mà bụi tre năm xưa ông ném để đầu quân đã rơi xuống. Hàng năm, vào ngày 4 đến 7 tháng Giêng, dân chúng mở hội để tưởng nhớ đến ông, gọi là hội đền Lê Phụng Hiểu.



Tục lệ đặc biệt nhất của lễ hội Lê Phụng Hiểu là cuộc thi tuyển nữ nấu cơm để dâng cúng Thành hoàng. 48 cô gái được tuyển phải là chưa chồng, giỏi nội trợ và hát hay. Cuộc thi được tổ chức ở bãi là đầm Giang Đình rộng, lộng gió. Các cô gái dự thi được nhận một chiếc thuyền thúng có ông táo, gạo nếp, gạo tẻ và những lông mía để làm chất đốt.



Một hồi trống lệnh dồn dập cất lên, các cô đồng loạt chèo thuyền ra giữa đầm để nấu cơm, đồ xôi. Thật không dễ chút nào khi phải nấu trong một điều kiện như thế: đầm lộng gió, thuyền chòng chành, bã mía vừa ăn vừa nấu nên rất ẩm ướt. Không những thế, trên bờ mọi người chen chúc bình phẩm, la ó, trêu chọc.





Các cô phải bình tĩnh, nhanh nhẹn, vừa róc mía ăn - mà phải hít kiệt nước để bã dễ cháy, vừa khéo léo kê bếp cho vững vàng, rồi nhóm lửa mà trở tài khéo léo. Có khi ban giám khảo còn đặt vào thuyền mỗi cô một con cóc. Các cô vừa phải thổi com, vừa phải canh thế nào cho cóc không nhảy ra khỏi thuyền. Khó khăn là thế mà các cô vẫn nấu được những nồi com dẻo, thơm. Ai nấu ngon nhất và nhanh nhất thì được trúng giải. Cả gia đình họ hàng được thơm lây.



Nhờ những tướng giỏi như Lê Phụng Hiểu, vua Lý Thái Tông đã có một đội quân rất tinh nhuệ. Đó là Điện tiền cấm quân, gồm 10 vệ. Mỗi vệ chia làm tả, hữu và lập trại đóng quanh cấm thành để bảo vệ kinh đô. Ngoài ra còn có Tùỵ xa Long quân, tức là quân đi theo xe vua. Đội quân này đã cùng nhà vua đánh đông dẹp bắc vì dưới thời vua trị vì, trong nước hay loạn lạc, nhất là các châu mục ở vùng biên giới xa xôi.

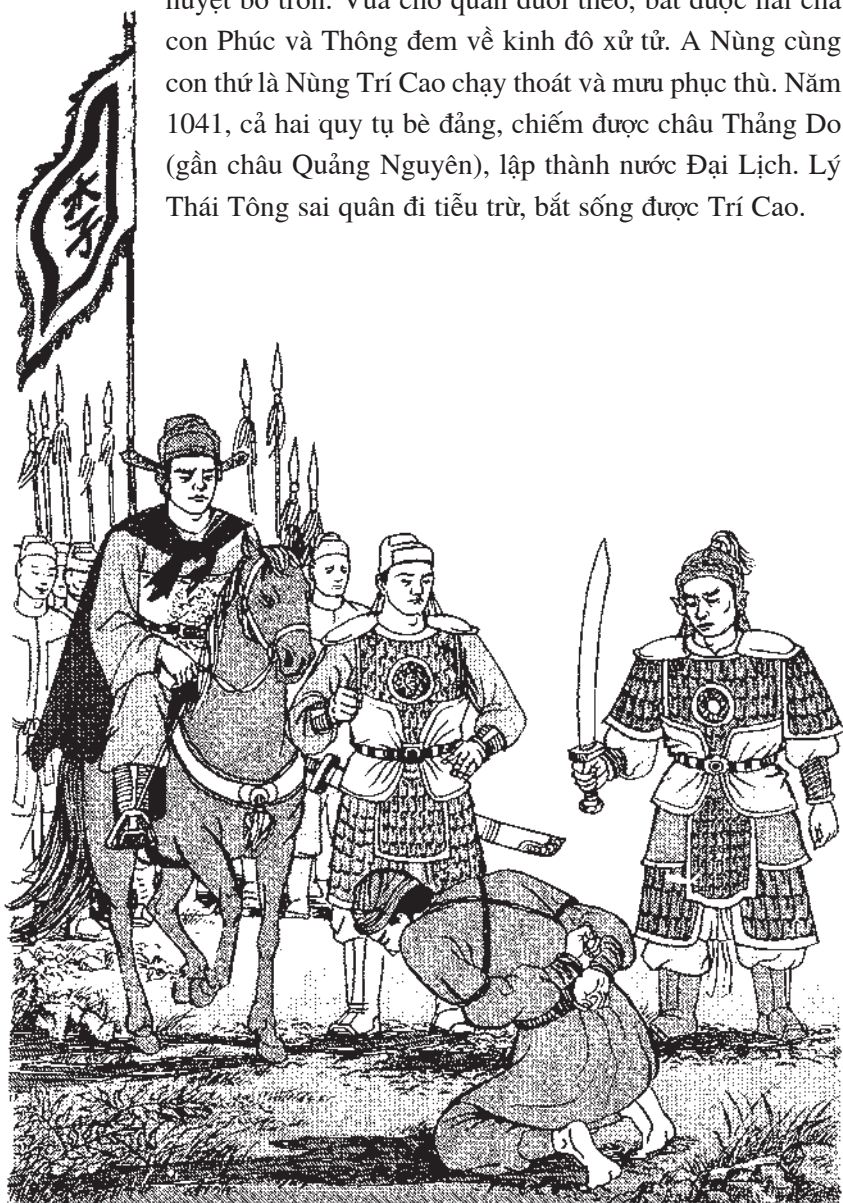




Tuy thế, vốn là người nhân từ, ngay cả với kẻ nổi loạn không phải là thân thích, có khi nhà vua cũng không quá nghiệt ngã. Như trường hợp Nùng Tôn Phúc, nổi lên làm phản ở Quảng Yên, tự xưng là Chiêu Thánh hoàng đế. Phúc lập ra nước riêng, đặt tên là Trường Sinh, phong cho vợ là A Nùng làm hoàng hậu, phong cho con trưởng là Nùng Trí Tông làm Nam Nhai vương*.

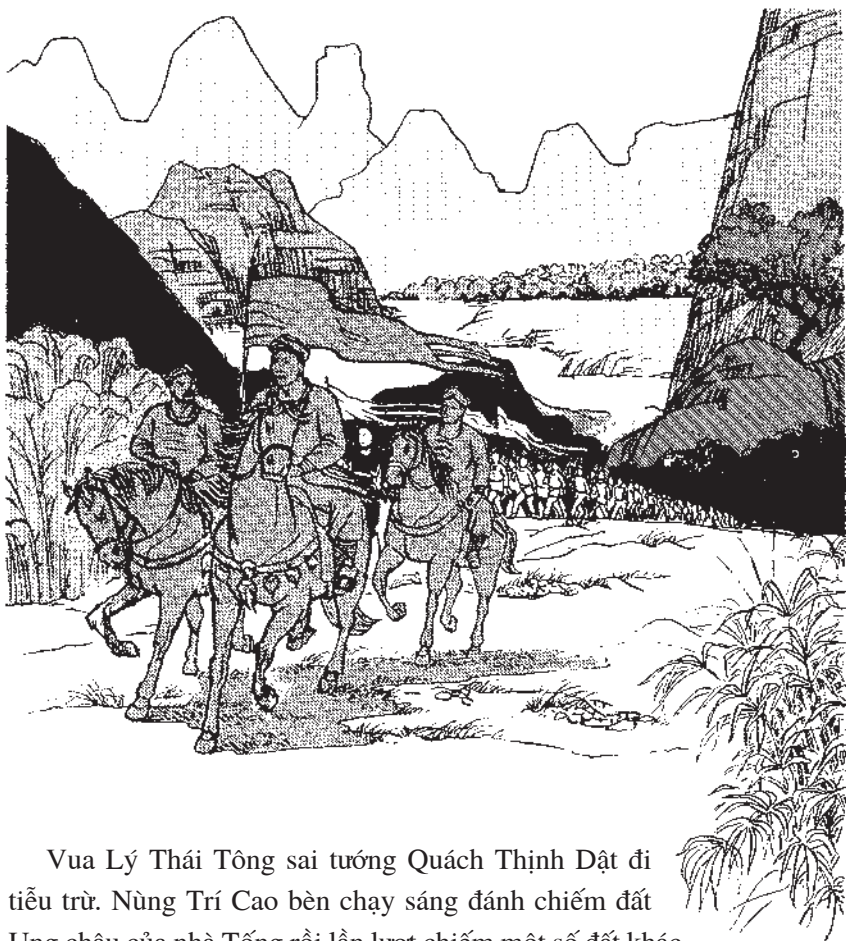
* Nam Nhai là châu Vạn Nhai, thuộc hai huyện Võ Nhai và Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn hiện nay.

Vua thân chinh đi đánh dẹp. Nùng Tôn Phúc đốt sào huyệt bỏ trốn. Vua cho quân đuổi theo, bắt được hai cha con Phúc và Thông đem về kinh đô xử tử. A Nùng cùng con thứ là Nùng Trí Cao chạy thoát và mưu phục thù. Năm 1041, cả hai quy tụ bè đảng, chiếm được châu Thảng Do (gần châu Quảng Nguyên), lập thành nước Đại Lịch. Lý Thái Tông sai quân đi tiêu trừ, bắt sống được Trí Cao.



Nghĩ rằng cả Nùng Tôn Phúc và Nùng Trí Thông đều đã bị giết, nhà vua tha chết cho Trí Cao, lại phong cho làm Quảng Nguyên mục. Năm 1043 nhà vua còn trao ấn Quận vương và gia phong thêm tước Thái bảo nên từ đó, Nùng Trí Cao thần phục. Nhưng chẳng bao lâu, vào năm 1044, họ Nùng lại kinh chống triều đình, xưng là Nhân Huệ hoàng đế, đặt ra nước Đại Nam.

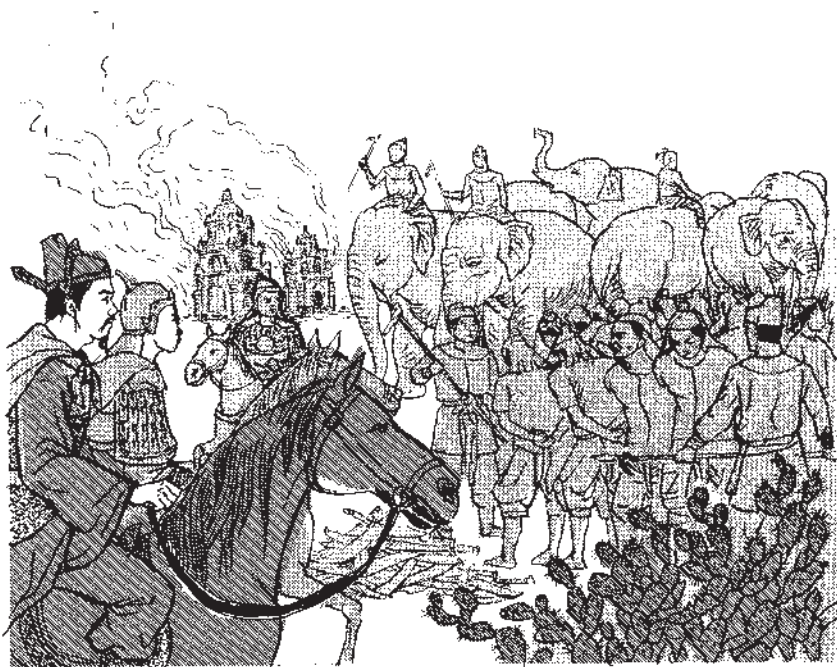




Vua Lý Thái Tông sai tướng Quách ThỊnh Dật đi
tiểu trừ. Nùng Trí Cao bèn chạy sang đánh chiếm đất
Ung châu của nhà Tống rồi lần lượt chiếm một số đất khác.
Tướng giỏi nhà Tống là Địch Thanh đi đánh, nhưng chống phá mãi
không được. Vua Tống toan cho người sang nhờ vua Lý giúp đỡ, nhưng
sau lại giữ thể diện, cứ chần chừ để họ Nùng có cơ hội hùng cứ. Mãi
sau này, nước Đại Lý* lừa bắt được Nùng Trí Cao, đem chém rồi nộp
cho nhà Tống thì loạn mới yên.

* Một nước nhỏ ở phía nam Trung Quốc.

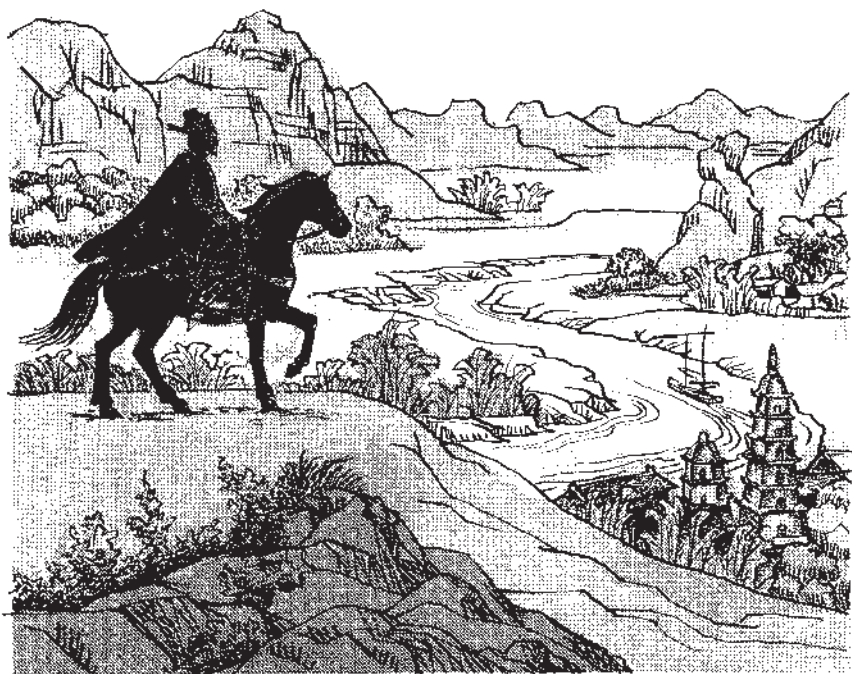
Vua Lý Thái Tông lên ngôi đã lâu mà nước Chiên Thành vẫn không chịu cho người sang thông hiếu. Vì vậy vào năm 1044 vua bèn thân chinh đi đánh. Quân của vua vào đất Chiên Thành, bắt được 30 con voi và 5000 tù binh, trong đó có cung nữ và vợ của vua Chiêm. Thấy một số quân lính thừa cơ làm ẩu, giết chết rất nhiều người, vua xót thương, xuống chiếu: Hễ ai giết người Chiêm thì bị chém. Nhờ thế, máu mới ngừng chảy.

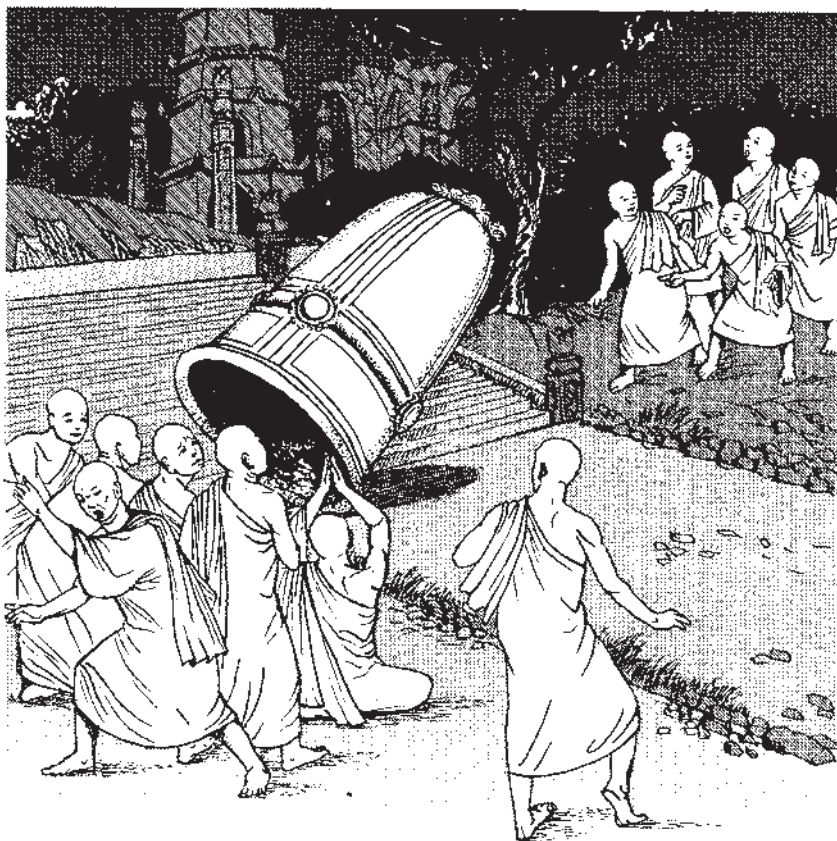




Sau khi đi đánh về, vua xuống chiếu xá thuế cho dân chúng. Chiếu viết: “Việc đánh dẹp phương xa làm tổn hại đến công việc nhà nông. Thế mà có ngờ đâu, mùa đông năm nay lại được mùa lớn! Nếu trăm họ đều no đủ thì trăm còn lo gì thiếu thốn? Vậy xả cho thiên hạ một nửa tiền thuế năm nay để an ủi nỗi khó nhọc lội suối trèo đèo”.

Cũng giống như vua cha Lý Thái Tổ, Lý Thái Tông rất sùng đạo Phật, vua thường đi thăm cảnh thiền, khuyến khích việc xây chùa, đúc tượng. Trong suốt thời gian trị vì, nhà vua đã cho xây cả thảy chừng 950 ngôi chùa. Có lần ngài cho tạc hơn 1000 pho tượng Phật, đến khi khánh thành thì đặt hội La Hán ở sân rồng. Nhân dịp đó vua đại xá cho những người bị phát lưu.



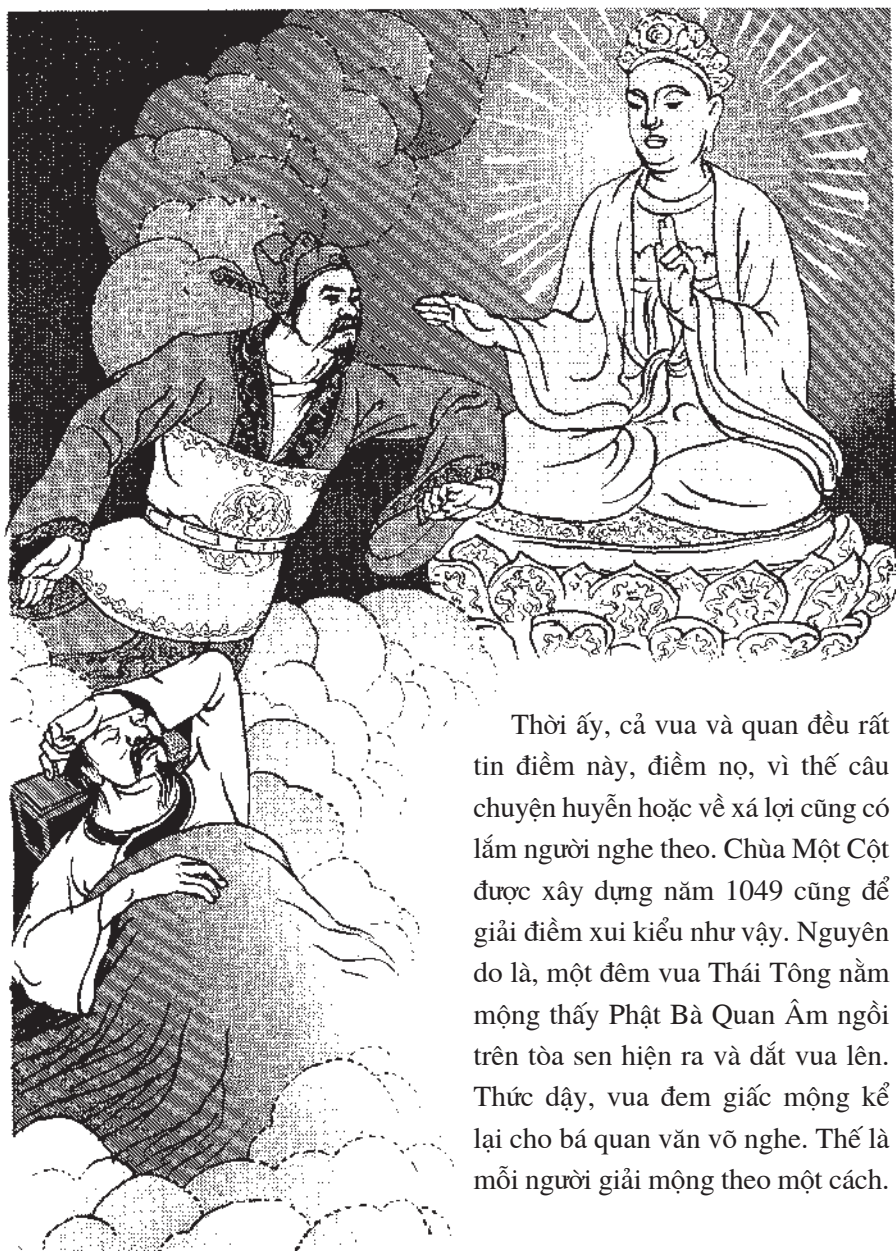


Năm 1034, vua đi thăm chùa Trùng Quang ở núi Tiên Du thuộc Bắc Ninh ngày nay) và cho đúc một chiếc chuông lớn cho chùa này. Tương truyền rằng, khi đúc xong, chuông tự động lăn vào chùa mà không cần phải nhọc công vác, đẩy. Nhà sử học danh tiếng Ngô Thời Sĩ (1726-1780) khi viết về chuyện này cho rằng: Chuông là vật tròn, dễ lăn, chứ chẳng có gì lạ. Chung quy cũng là một số kẻ lợi dụng lòng tin của vua và dân, đã bịa đặt ra để tăng thêm vẻ huyền bí mà thôi.

Cũng một chuyện huyền bí tương tự được lưu truyền quanh ngôi chùa Pháp Vân ở Cổ Pháp, nơi Lý Công Uẩn sống khi còn nhỏ. Người sư tên là Hưu, tu tại chùa, tâu với vua rằng: “Trong chùa chột phát một luồng sáng. Theo chỗ ánh sáng ấy đào xuống thì được một cái hòm bằng đá. Mở hòm đá ra thì có một hòm bằng bạc. Mở hòm bạc có hòm vàng. Mở hòm vàng có bình ngọc lưu ly. Trong bình lưu ly đựng xá lợi”^{*}.

^{*} Xá lợi là tro, cốt của Phật còn lại sau khi thiêu.

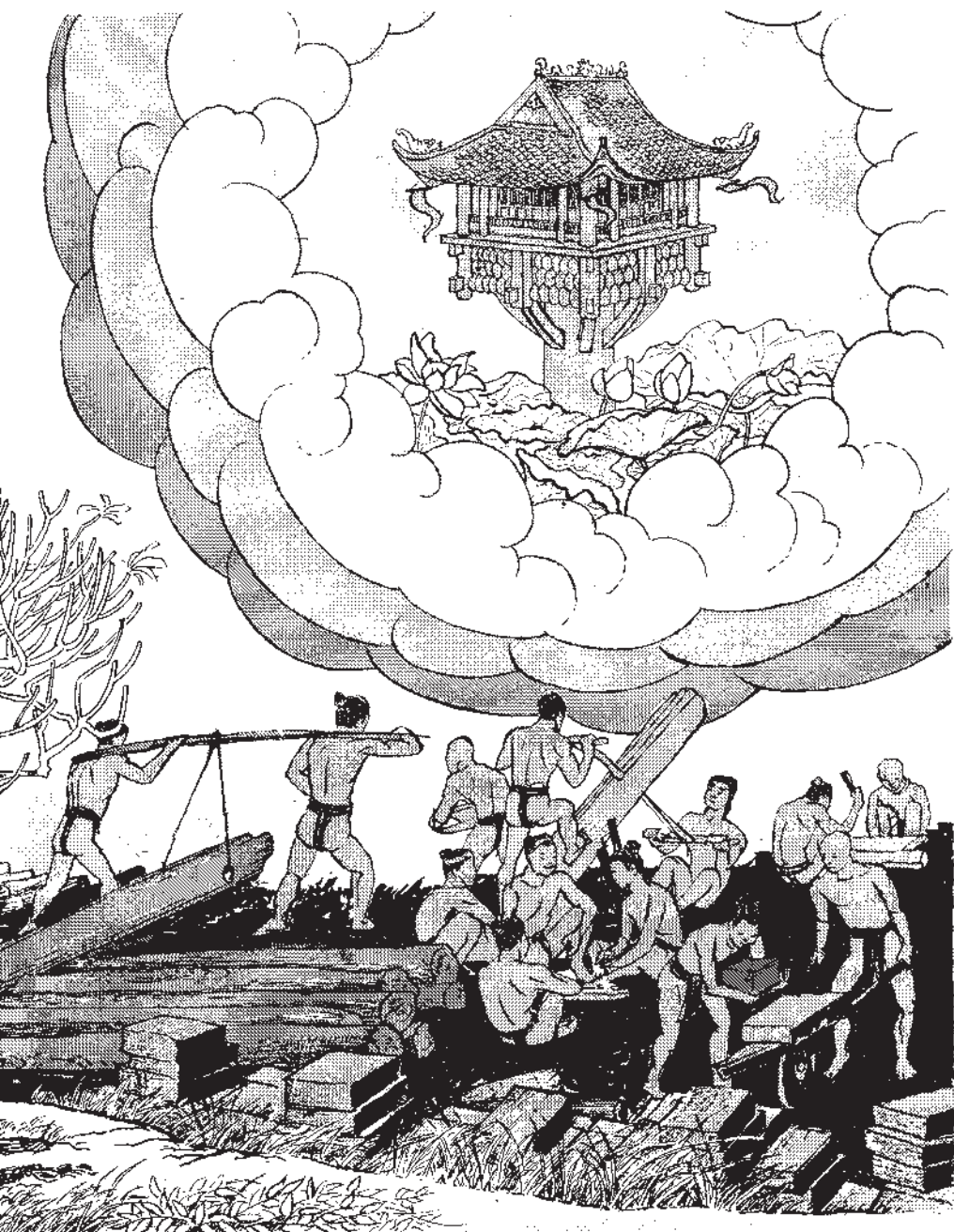


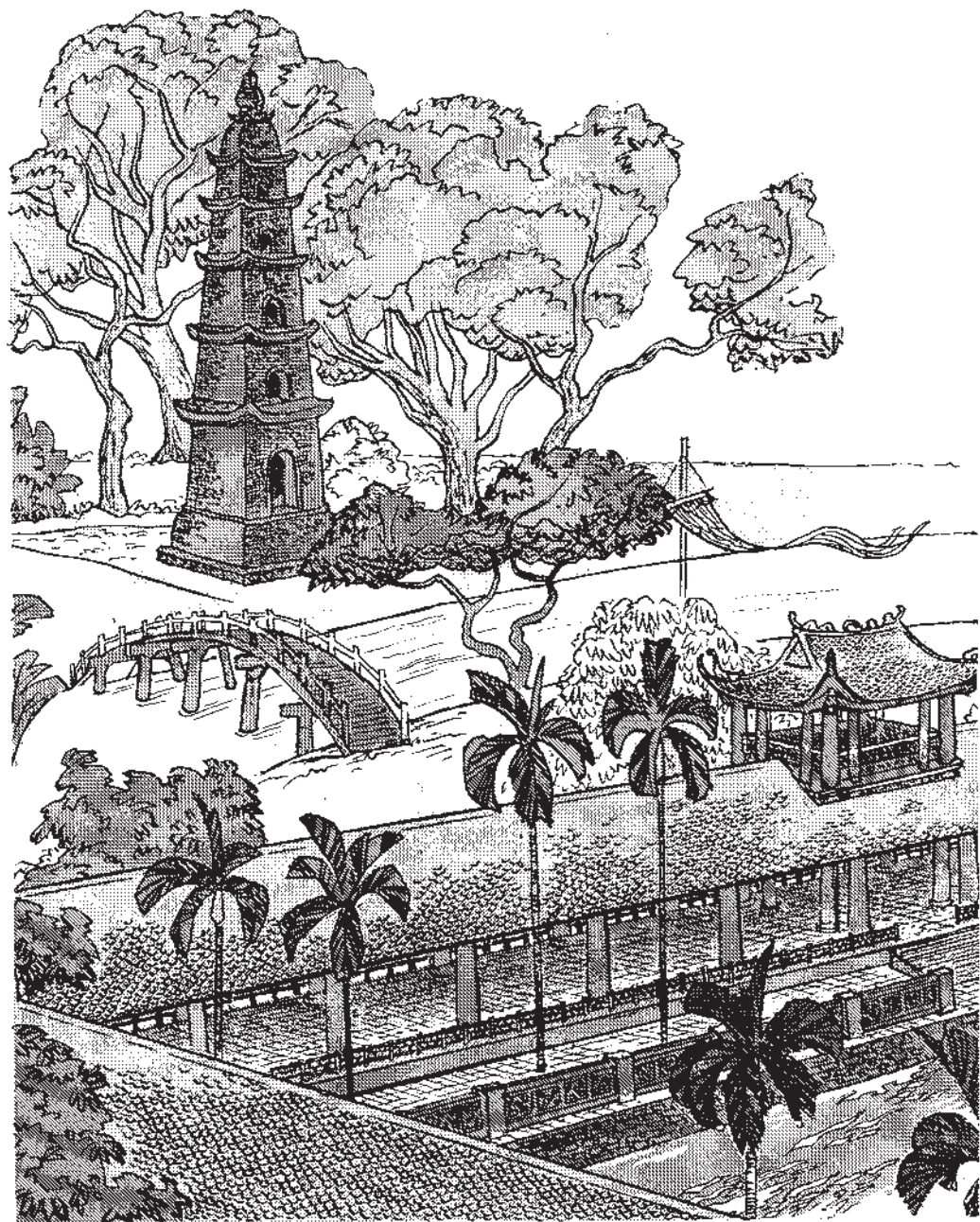


Thời ấy, cả vua và quan đều rất tin điềm này, điềm nọ, vì thế câu chuyện huyền hoặc về xá lợi cũng có lắm người nghe theo. Chùa Một Cột được xây dựng năm 1049 cũng để giải điềm xui kiểu như vậy. Nguyên do là, một đêm vua Thái Tông nằm mộng thấy Phật Bà Quan Âm ngồi trên tòa sen hiện ra và dắt vua lên. Thức dậy, vua đem giấc mộng kể lại cho bá quan văn võ nghe. Thế là mỗi người giải mộng theo một cách.

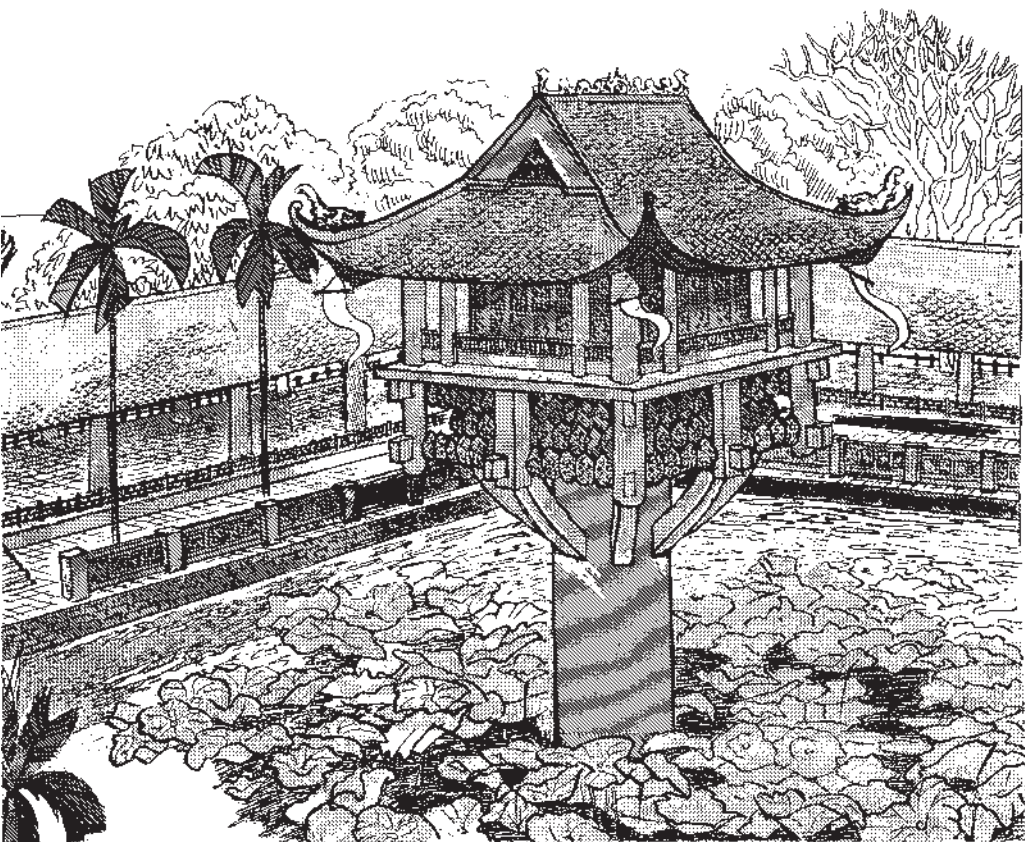
Người cho đây là điềm lành, người cho là điềm gở. Cuối cùng phe cho là điềm gở thắng thế, họ khuyên vua nên xây một ngôi chùa để cầu phúc. Thế là ngôi chùa Diên Hựu, tức chùa Một Cột danh tiếng, ra đời. Chùa phải được thể hiện cho thật giống một đóa sen, vì hoa sen là biểu tượng của đạo Phật. Do đó, với sức tưởng tượng phong phú cùng tài hoa truyền thống, các nghệ nhân thời Lý đã xây nên một đóa hoa sen nghìn cánh xòe ra. Trên hoa là một ngôi đền nhỏ màu đỏ sẫm, bên trong thờ tượng Phật Bà Quan Âm.







Toàn thể đèn hoa ấy chỉ đứng trên một chiếc trụ duy nhất, trông giống như một cuống sen từ dưới nước nhô lên. Bên dưới là ao Bích Trì đầy hoa sen thơm ngát và một cây cầu lượn bắc ngang. Xung quanh cây cối sum sê, không khí thanh tịnh. Chùa xây xong, nhà vua cho các nhà sư đi vòng quanh tụng kinh, cầu cho vua được sống lâu và đặt tên chùa là Diên Hựu, nghĩa là phúc lành dài lâu. Hàng tháng, vào ngày rằm và mồng một, nhà vua thường đến đây thưởng lãm...



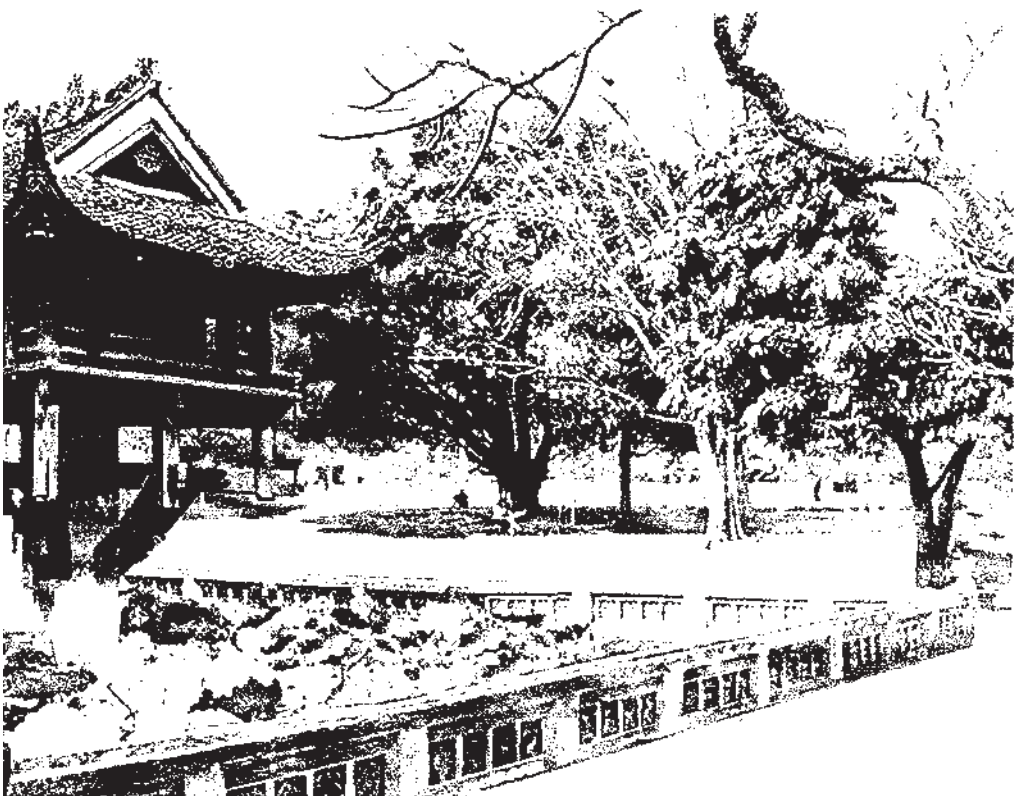
Chùa Diên Hựu thời Lý, trải qua nhiều thế kỷ, đã bị hư hại rồi được trùng tu nhiều lần. Đáng kể nhất là ngôi chùa đầy giá trị mỹ thuật này bị quân Pháp phá hủy khi phải rút khỏi Thủ đô. Ngôi chùa hiện nay được làm lại vào năm 1955 đúng theo kiểu cũ từ thế kỷ 19*.

* Xem thêm phần phụ lục.

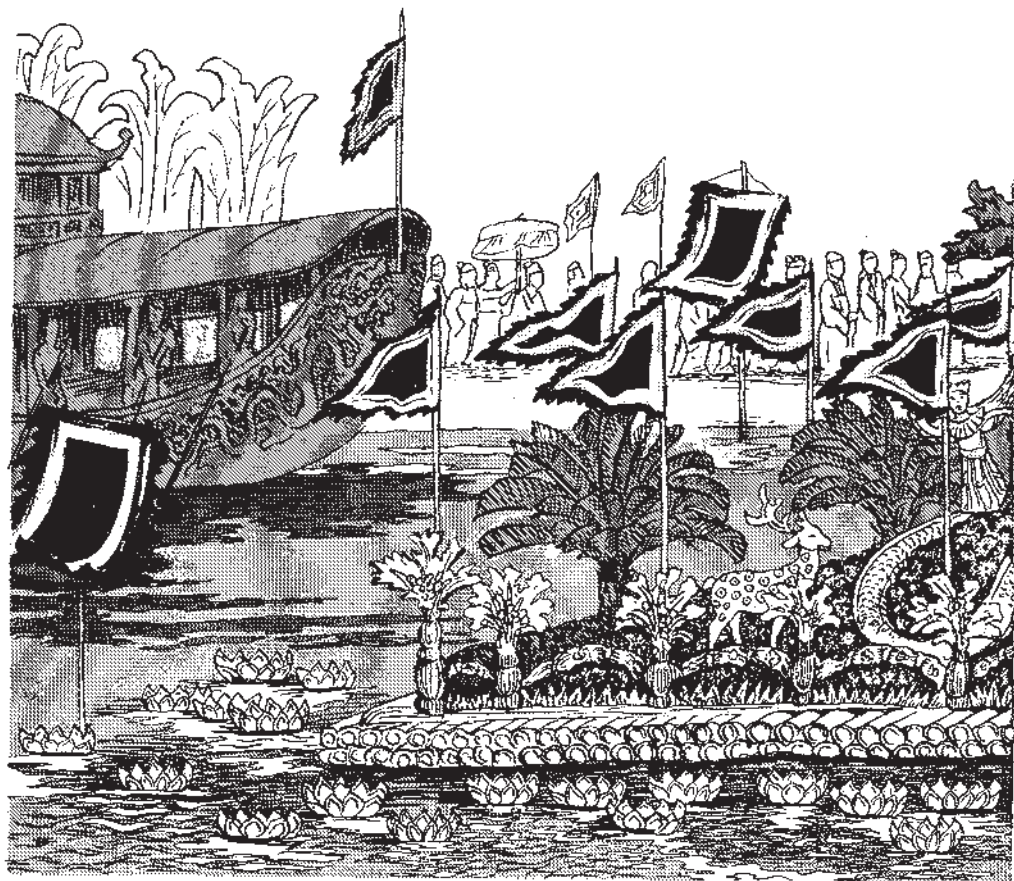


Nhìn trên toàn cục, chùa vẫn còn thấp thoáng hình ảnh của ngôi chùa Diên Hựu xưa, thể hiện nét thanh thoát thẩm mỹ của người Việt cùng sự phồn thịnh của đất nước Đại Cồ Việt dưới thời Lý Thái Tông. Sự phồn thịnh ấy còn thể hiện qua việc phục hồi trò chơi Trúc Sơn*, vốn đã bị hủy bỏ dưới thời vua Lý Thái Tổ.

* Xem tập “Thăng Long thuở ban đầu”.

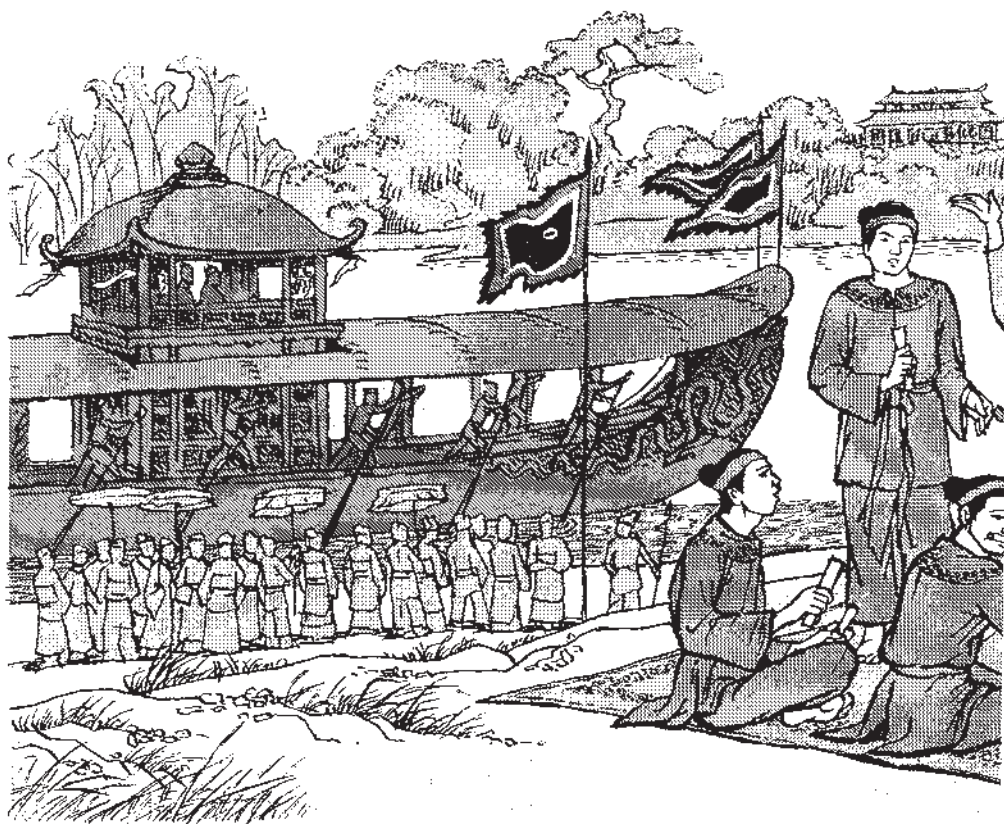


Trò chơi Trúc Sơn được cử hành hàng năm vào ngày 26 tháng 6 âm lịch, tức là vào ngày sinh của vua Lý Thái Tông. Lễ hội được tiến hành tại ao Long Trì trong kinh thành. Trên bè, người ta kết đến năm chỏm núi, chỏm ở giữa có treo bức tranh Trường Thọ Tiên, hai bên là hai con hạc cao mảnh và trắng toát. Trên núi lại có hình các nàng tiên đang tha thướt bay. Vòn quanh sườn núi là một con rồng thần uốn lượn. Rải rác đây đó là các loài chim, thú, cây cối.





Cờ xí, ngọc bích được treo khắp nơi. Trên một khoảnh cao là các nghệ nhân biểu diễn. Họ diễn tuồng hay thổi sáo, thổi sênh, ca hát, nhảy múa rất điệu nghệ. Để phụ họa cho trò chơi này, vua cho tổ chức cuộc đua thuyền. Đích thân vua ngự ra bờ sông để xem và cổ vũ các tay đua. Hoàng hậu cùng các công chúa, hoàng tử đều được thưởng lãm. Còn dân chúng thì được dịp vui chơi thoải mái sau những ngày làm nông mệt nhọc.

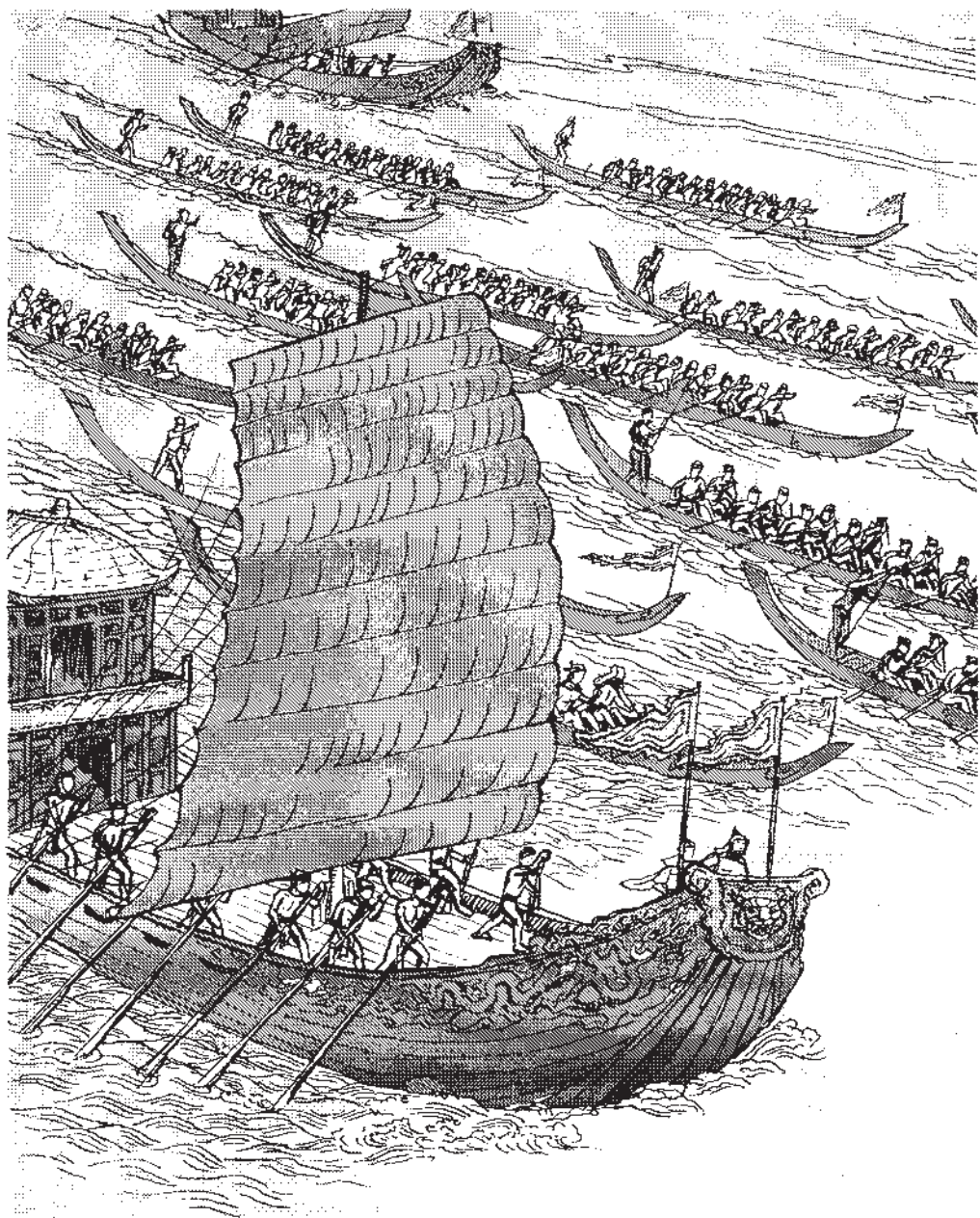


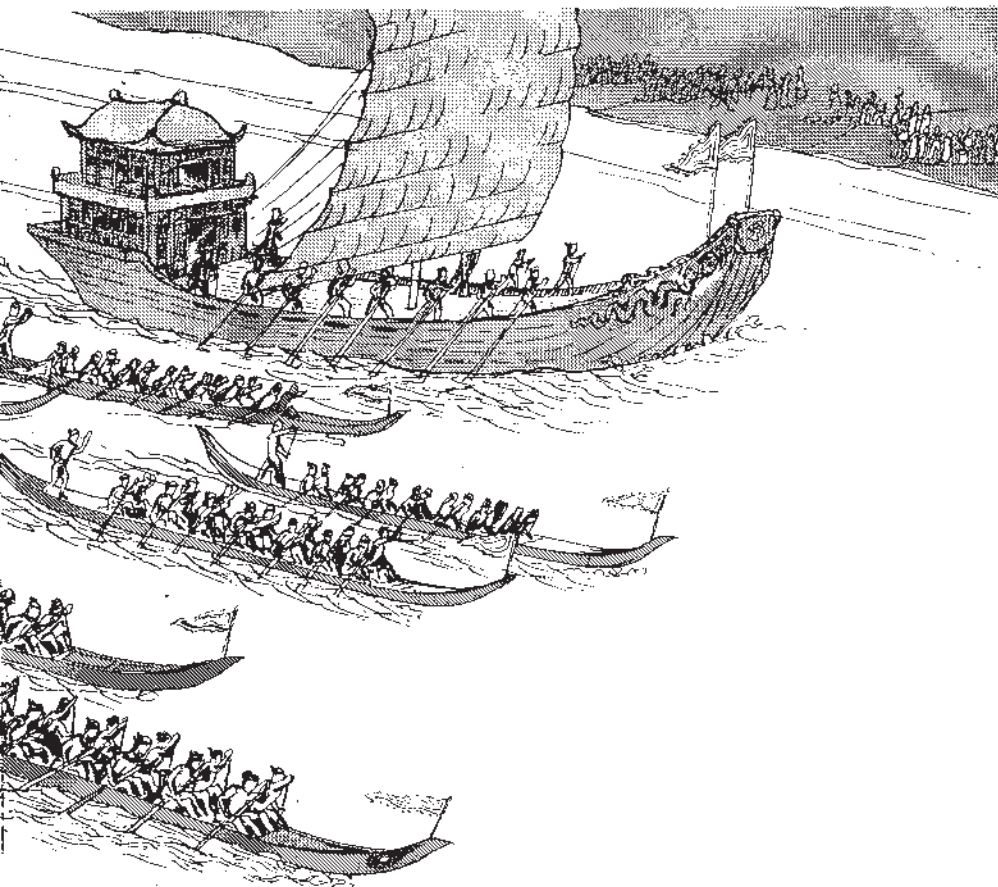


Cuộc đua thuyền thường được tổ chức trên sông Cái (sông Hồng). Các tay đua được tuyển chọn từ những người có tài bơi, lặn để phòng nạn đắm thuyền. Họ phải tập luyện cả tháng trước khi mở hội. Thuyền đua dài khoảng 20m, rộng gần 2m, có hình dáng giống con cá. Hai con mắt cá đắp nổi ở mũi thuyền, còn đuôi thuyền thì cong vút lên. Mỗi thuyền có 14 tay đua, cùng đội khăn và đóng khố một màu giống nhau để phân biệt với đội khác.



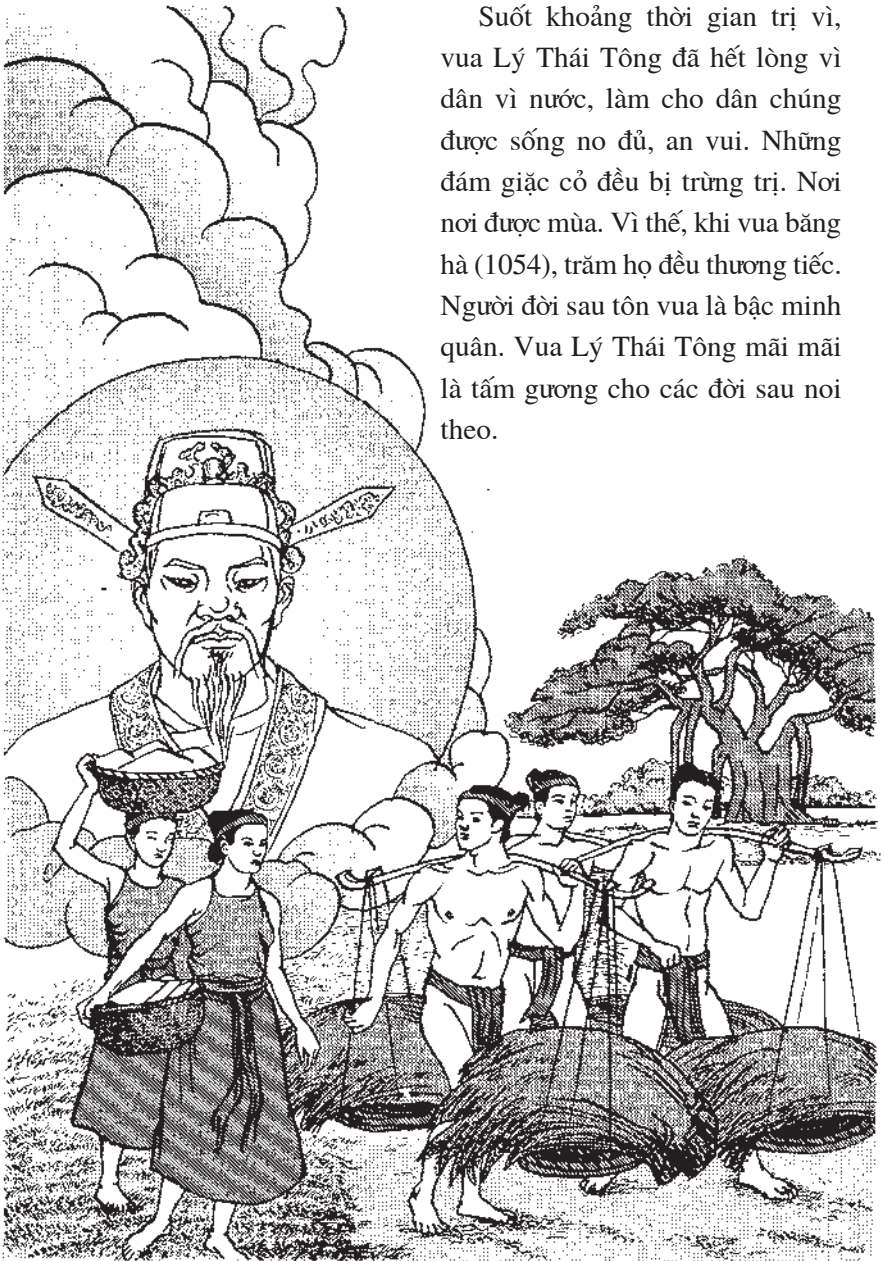






Bốn chiếc thuyền to lớn có tên là Long Phụng, Ngũ Xà, Hổ Báo, Long Vũ do các thủy quân mặc nhung phục điều khiển, len lỏi trên sông, khua công, kiểm soát cuộc chơi. Một hồi pháo nổ vang. Đây là hiệu lệnh xuất phát. Các thuyền đua lao vút đi trong hồi trống thúc giục, trong tiếng reo hò dậy sóng. Các chàng trai trở hết tài năng để thuyền không bị lật và giữ cho khăn quần đầu được khô ráo. Nếu không, họ sẽ bị loại. Thuyền nào thắng cuộc sẽ được vua thân hành ban thưởng.

Suốt khoảng thời gian trị vì, vua Lý Thái Tông đã hết lòng vì dân vì nước, làm cho dân chúng được sống no đủ, an vui. Những đám giặc cỏ đều bị trừng trị. Nơi nơi được mùa. Vì thế, khi vua băng hà (1054), trăm họ đều thương tiếc. Người đời sau tôn vua là bậc minh quân. Vua Lý Thái Tông mãi mãi là tấm gương cho các đời sau noi theo.





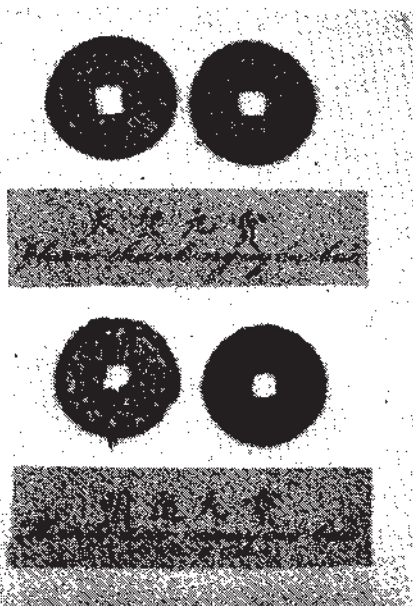
Tượng thờ vua Lý Thái Tông ở đền Lý Bát Đế, xã Đình Bảng, huyện Tiên Sơn, tỉnh Bắc Ninh.

Ảnh: Đức Hòa.



↑ Lăng Cả, dấu tích còn lại của lăng vua Lý Thái Tông ở xã Đình Bảng, huyện Tiên Sơn, tỉnh Bắc Ninh.

Ảnh: Ngọc Hải.



Tiền thời vua Lý Thái Tông (1023 - 1054)

- Thiên Thánh nguyên bảo
- Minh Đạo nguyên bảo

Hiện vật trưng bày tại Bảo tàng Lịch sử Việt Nam, Hà Nội.

Ảnh: Đức Hòa.

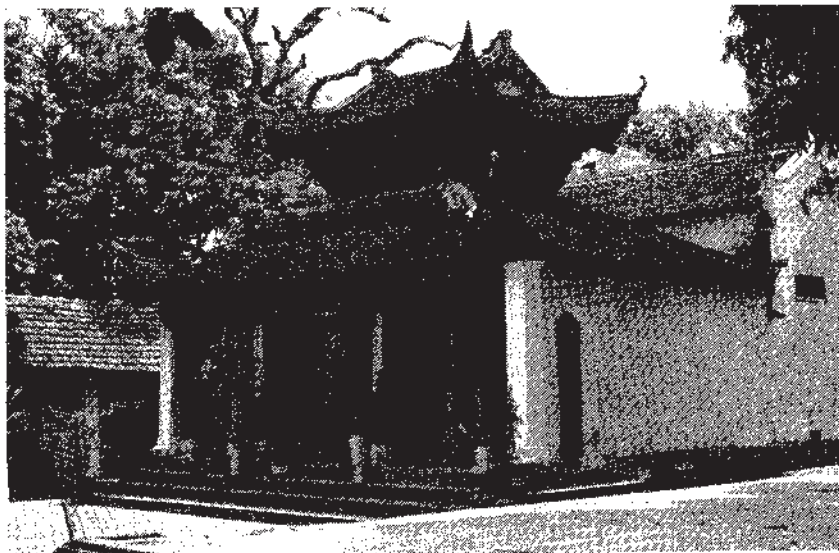
Ngai thờ thần Đồng Cổ.

Ảnh: Đức Hòa. ➡



Đền Đồng Cổ đường Thụy
Khuê, quận Ba Đình, Hà Nội. ↓

Ảnh: Đức Hòa.



TÀI LIỆU THAM KHẢO

- *Làng xã ngoại thành Hà Nội*, Bùi Thiết, Hà Nội, 1980
- *Nam quốc vĩ nhân truyện*, Cung Thúc Thiềm, Sài Gòn, 1968
- *Việt Sử khảo lược*, Dương Ky, Thuận Hóa, 1971
- *Đại Việt sử ký toàn thư*, Bản dịch, Hà Nội, 1971
- *Việt Nam văn hóa sử cương*, Đào Duy Anh, Sài Gòn, 1961.
- *Danh nhân nước nhà*, Đào Văn Hội, Sài Gòn, 1951.
- *Thành cổ Việt Nam*, Đỗ Văn Ninh, Hà Nội, 1983.
- *Tổ tiên ta đánh giặc*, Học viện quân sự, Tây Ninh, 1975.
- *Việt sử kinh nghiệm*, Lạc Tử Nguyễn Văn Hầu, Sài Gòn, 1957.
- *Đại cương lịch sử Việt Nam*, Lê Mậu Hân (chủ biên), Hà Nội, 1998.
- *Lịch sử Việt Nam* tập I, Nhiều tác giả, Hà Nội, 1971.
- *Việt sử tiêu án*, Ngô Thời Sĩ, Bản dịch, Sài Gòn, 1960.
- *Danh tướng Việt Nam*, Nguyễn Khắc Thuần, TP Hồ Chí Minh, 1996.
- *Các triều đại Việt Nam*, Quỳnh Cư - Đỗ Đức Hùng, Hà Nội, 1995.
- *Những nhân vật nổi tiếng trong lịch sử Việt Nam*, Tôn Nữ Quỳnh Trân (chủ biên), TP Hồ Chí Minh, 1993.
- *Lịch sử Việt Nam, giáo trình dành cho ngành du lịch*, Tôn Nữ Quỳnh Trân, TP Hồ Chí Minh, 1997.
- *Việt Nam sử lược*, Trần Trọng Kim, Sài Gòn, 1964.

PHỤ LỤC

THÀNH THĂNG LONG



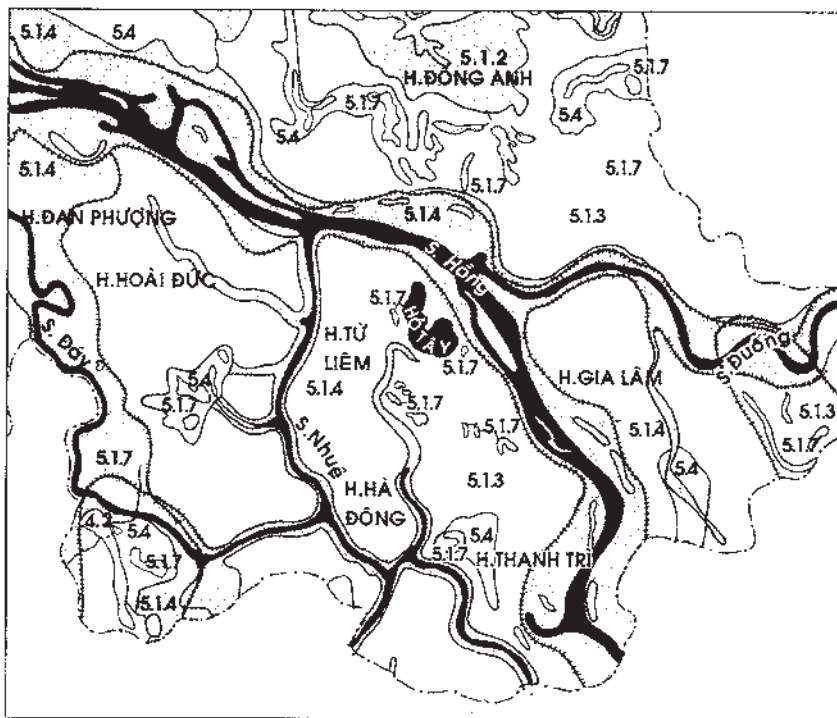
ĐỖ VĂN NINH

THÀNH THĂNG LONG

Ngay sau khi được tôn lên làm vua (tháng 1 năm 1010), Lý Thái Tổ đã làm được một việc lớn cho đất nước, đó là chọn chỗ để định đô. Nhận thấy thành Đại La (tức Hà Nội ngày nay) nằm giữa vùng đồng bằng rộng lớn, cao ráo, dân cư đông đúc, giao thông thủy bộ thuận lợi, có thể đi lên phía bắc, phía nam hoặc các vùng xung quanh đều dễ dàng. Trong Chiếu dời đô, nhà vua nhận định: *“Thành Đại La ở vào nơi trung tâm trời đất, được thế rồng cuộn hổ ngồi, đã đứng ngôi nam, bắc, đông, tây, lại tiện hướng nhìn sông dựa núi. Địa thế rộng mà bằng, đất đai cao mà thoáng. Dân cư khỏi chịu cảnh khốn khổ ngập lụt, mà muôn vật cũng rất mực phong phú tốt tươi. Xem khắp đất Việt ta, chỉ nơi này là thắng địa. Thật là chốn tụ hội trọng yếu của bốn phương đất nước, cũng là nơi kinh đô bậc nhất của đế vương muôn đời”*.

Tháng 7 năm Canh Tuất, chỉ mấy tháng sau khi lên ngôi, việc dời đô được thực hiện. Đoàn thuyền của nhà vua xuất phát từ sông Hoàng Long dưới chân thành Hoa Lư đi qua sông Đáy, sông Luộc vào sông Cái, từ từ tiến đến thành Đại La. Bỗng nhiên từ đám mây trên thành có hình một con rồng đang bay lên. Cho đó là điềm lành, nhà vua hết sức vui mừng liền đặt tên cho kinh đô mới là Thăng Long. Cái tên Thăng Long bắt đầu từ đó.

Thành Thăng Long có quan hệ chặt chẽ với La Thành do Cao Biền đắp năm 866-868. Trải qua các triều Lý, Trần, Lê, tên thành có thay đổi: Thăng Long (Lý), Đông Đô (cuối đời Trần), Đông Kinh (Lê).



Bản đồ địa hình địa mạo vùng Hà Nội ngày nay (Thăng Long xưa).

(Dựa theo sách Thăng Long - Hà Nội mười thế kỷ đô thị hóa).

- 5.1.2 Bạc thêm tích tụ
- 5.1.3 Bãi bồi cao của sông xuôi
- 5.1.4 Bãi bồi hiện đại
- 5.1.5 Bãi cát ven lòng sông
- 5.1.6 Thung lũng
- 5.1.7 Hồ di tích của lòng sông cổ
- 5.1.8 Lòng sông lớn
- 5.1.9 Vách xâm thực trong đá gốc
- 5.4 Đồng bằng tích tụ sông hồ đầm.



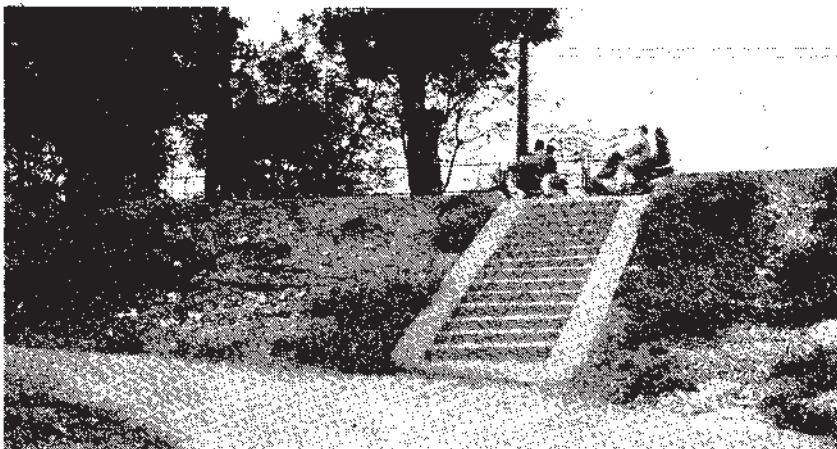
Một viên gạch thời Lý (1057), dài 28,5cm.

Ảnh: Sách Vietnamese ceramics in the museum of Vietnamese history Ho Chi Minh City.

Về cấu trúc, thành Thăng Long đời Lý gồm có hai vòng thành bao bọc lấy nhau. Vòng thành ngoài chính là La Thành của Cao Biền. Dấu vết La Thành ngày nay còn khá rõ. Phần lớn các nhà nghiên cứu đều nhất trí rằng La Thành mặt phía Đông cũng là đê sông Hồng lên tới Hồ Tây, tiếp là đoạn đường Hoàng Hoa Thám, rồi chạy dọc tả ngạn sông Tô Lịch từ Bưởi đến ô Cầu Giấy, qua Giảng Võ đến ô Chợ Dừa, Kim Liên, đường Đại Cồ Việt và đường Trần Khát Chân cho tới ô Đồng Mác rồi lại gặp đê sông Hồng.

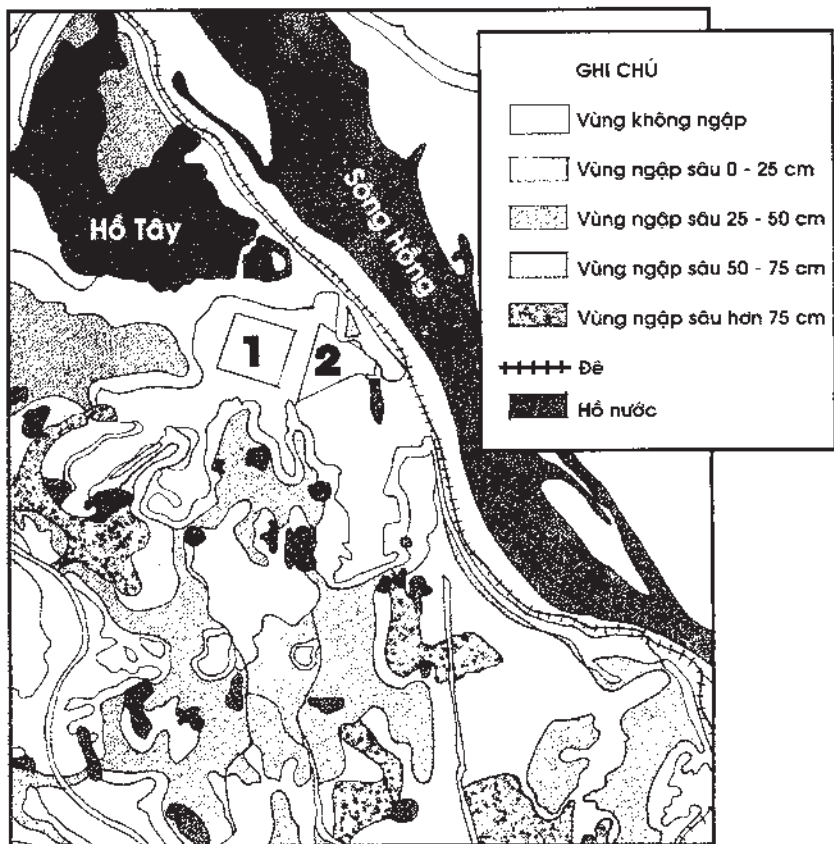
La Thành là vòng tường thành khép kín, cơ bản dựa theo địa thế tự nhiên mà xây đắp. Thời Lý, ngay từ lúc dời đô ra Thăng Long đã lợi dụng toàn bộ vòng thành này làm vòng thành ngoài. La Thành được bồi đắp, sửa chữa trong suốt quá trình đóng đô tại đây của triều Lý. Vòng thành này đắp bằng đất, phía ngoài có lợi dụng sông Hồng, sông Tô Lịch và nhiều đầm hồ làm hào tự nhiên.

Những cửa thành tuy không có tư liệu gì nói tới, song có thể nghĩ rằng đó là những đoạn khuyết của tường thành mà không xây cửa hay lầu cửa (vọng lâu) như những tòa thành các đời sau. Tất nhiên ở những cửa này phải có nơi đóng quân canh gác.



Đường đê La Thành đoạn Liễu Giai - Cổng Vĩ phía tây thành Thăng Long xưa.

Ảnh: Đức Hòa.



Hoàng Thành (1) và Kinh Thành (2) được chọn đặt trên vị trí đất cao ven sông Hồng và Hồ Tây. (Dựa theo sách Thăng Long - Hà Nội mười thế kỉ đô thị hóa).

Vật gốm Đại La (Hà Nội) thế kỉ 11-12.

Vòng thành trong được xây đắp hoàn toàn mới kể từ khi Lý Thái Tổ dời đô. Vòng thành này bao quanh một loạt cung điện mới dựng. Thành đắp bằng đất, có đào hào ngoài, mở bốn cửa Tường Phù, Quảng Phúc, Đại Hưng và Diệu Đức ở bốn mặt đông, tây, nam, bắc. Hiện không còn dấu vết nào để khẳng định bốn cửa thành xây dựng ra sao, song cứ lý mà suy thì vòng thành trong là công sự trực tiếp bảo vệ các cơ quan đầu não của triều đình cùng thân thích của vua nên cửa ra vào tất phải đóng mở nghiêm ngặt, cửa thành chắc phải được xây dựng kiên cố và ít nhất ở cửa chính (cửa Tiền) phải có dựng vọng lâu uy nghi đẹp đẽ.

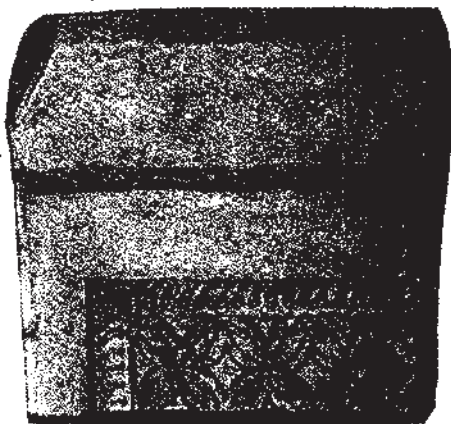
Phạm vi của vòng thành thứ hai cho đến nay vẫn còn chưa có ý kiến khẳng định, nhưng cũng có thể đoán rằng phạm vi tất không nhỏ, bởi vì vòng thành đó phải bao bọc hàng trăm kiến trúc cung điện, lầu gác, chùa tháp xây dựng liên tiếp suốt đời Lý.

Hai vòng thành ngoài và trong đã nói trên đây cho dù trước sau xây dựng khác nhau, nhưng được các vua nhà Lý tiếp nhận vào đồ án kiến trúc chung của kinh thành triều đại mình. Như vậy, một bình đồ kiến trúc gồm hai vòng thành bao bọc lẫn nhau lần đầu tiên xuất hiện trong kiến trúc thành Việt Nam.

Theo sử cũ, hai vòng thành này mang tên gọi khác nhau. Vòng ngoài gọi là Đại La thành với hàm nghĩa là vòng thành lớn bao xung quanh Cung thành.

Vòng thành trong được gọi là Cung thành (theo Đại Việt sử ký toàn thư) với ý nghĩa là một tường thành bao quanh cả khu vực các cung điện nhà vua vừa xây dựng từ khi dời kinh đô tới. Cung thành ở đây chưa mang ý nghĩa là Hoàng thành hay Tử Cấm thành như những thành xuất hiện đời sau nữa. Một chứng cứ quan trọng là năm 1012, nhà vua đã *“sắc phong hoàng tử Phật Mã làm Khai Thiên vương, làm cung Long Đức ở ngoài thành cho ở, có ý muốn cho biết việc dân gian”*.

Nói tóm lại bình đồ kiến trúc của kinh thành Thăng Long thời Lý có tiến bộ hơn so với thành Hoa Lư. Hai lớp tường thành bao bọc lẫn nhau tăng cường sức kiên cố và thể hiểm trở cho công trình. Hai lớp vòng thành cũng có ý nghĩa phân biệt rõ ràng thêm một bước trật tự phong kiến giữa các cư dân trong thành, tuy nhiên cũng phải thấy trật tự phong kiến lúc này vẫn chưa thành luật lệ quá phiền phức và hà khắc.



1. Ngói trang trí, Gia Lâm, Hà Nội, thế kỉ 11-12.

2. Ngói trang trí hình nhà, Gia Lâm, Hà Nội, thế kỉ 11-12 dài 27,5cm, rộng 19cm.

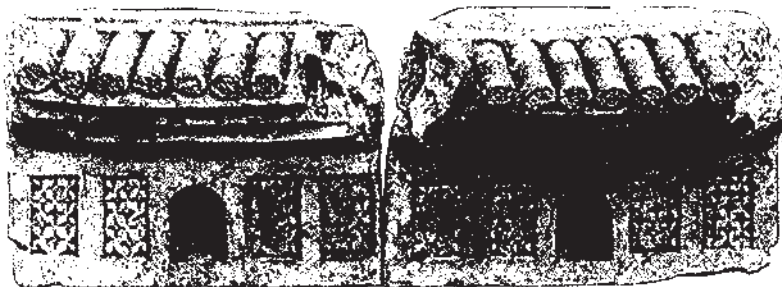
Ảnh 1, 2: Vietnamese ceramics in the museum of Vietnamese history Ho Chi Minh city.

3. Thành bậc đá chạm con sấu. Di tích Lý trong vườn Bách Thảo, Hà Nội.

Ảnh: Sách mỹ thuật thời Lý.

1

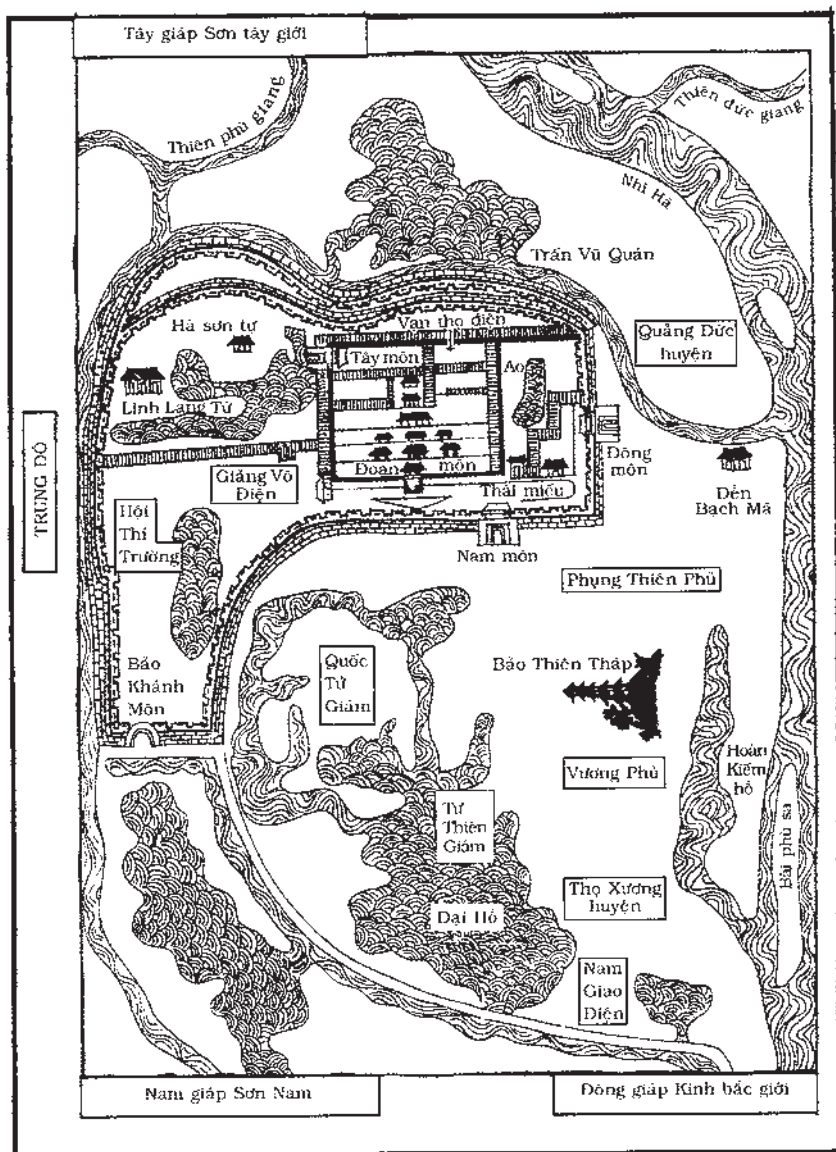
2





3

Đời vua Lý Thái Tông, năm 1029, một sự kiện mới xuất hiện đáng để ta chú ý về bình đồ kiến trúc của thành Thăng Long. Sử chép: “*Tháng 6, rồng hiện ở nền cũ điện Càn Nguyên. Vua bảo với các quan hầu rằng: “Trẫm phá nền ấy, san phẳng nền rồi mà rồng thần còn hiện, hay là chỗ ấy là đất tốt đức lớn dấy nghiệp ở chính giữa trời đất chăng?”*”. Bèn sai quan theo quy mô rộng lớn, nhằm lại phương hướng, làm lại mà đổi tên làm điện Thiên An. Bên tả làm điện Tuyên Đức, bên hữu làm điện Diên Phúc, thêm trước điện gọi là thêm Rồng (Long Trì); bên đông thêm Rồng đặt điện Văn Minh, bên tây đặt điện Quảng Võ; hai bên tả hữu thêm Rồng đặt lầu chuông đối nhau để nhân dân ai có việc kiện tụng oan uống thì đánh chuông lên. Bốn phía xung quanh thêm Rồng đều có hành lang giải vũ để các quan hội họp và sáu quân túc vệ.



Bản đồ thành Thăng Long vẽ năm 1490, khi đó mang tên Trung đô.
(Dựa theo sách Thăng Long - Hà Nội mười thế kỷ đô thị hóa)

Phía trước làm điện Phụng Thiên, trên điện dựng lầu Chánh Dương làm nơi giữ giờ khắc; phía sau làm điện Trường Xuân, trên điện dựng gác Long Đồ làm nơi nghỉ ngơi chơi ngắm. Bên ngoài đắp một vòng thành bao quanh gọi là Long Thành”.

Như vậy, Long Thành là một vòng tường thành nhỏ chỉ bao bọc quanh một khu vực mới xây gồm điện Thiên An, nơi làm việc chính của nhà vua cùng triều đình và mấy điện khác như điện Tuyên Đức, Diên Phúc, Văn Minh, Quảng Võ, Phụng Thiên và Trường Xuân. Điện Trường Xuân là nơi ở, bên trên có xây gác Long Đồ để nhà vua nghỉ ngơi chơi ngắm. Đây cũng là nơi vua Lý Thái Tông băng hà vào năm 1054.

Vòng tường thành này rõ ràng là vòng tường thành trong cùng, vòng tường thứ 3 lọt trong phạm vi của vòng tường thứ 2 và chỉ bảo vệ riêng nơi ở và làm việc của vua. Vì lý do đó mà có người gọi tường thành này là Cấm thành hay Tử Cấm thành. Thực ra khái niệm Tử Cấm thành chưa có vào thời này. Sử đã chép rõ nơi này, theo suy nghĩ của nhà vua “là đất tốt đức lớn dấy nghiệp ở chính giữa trời đất” nên được xây dựng làm trung tâm hành chính quốc gia và được đắp thành bao quanh, phần để bảo vệ, phần để giữ vẻ tôn nghiêm vô thượng. Tên đặt Long Thành cũng phần nào chứng minh điều đó.

1. Đậu nóc, đất nung, thế kỉ 11-12, Hà Nội bảo tàng lịch sử Hà Nội.
2. Rồng Makara, đầu đao, đất nung, thế kỉ 11-12, Giảng Võ, Hà Nội. Bảo tàng lịch sử Hà Nội.

Ảnh 1, 2: Sách mỹ thuật châu Á.



Có thể dự đoán không sai rằng vòng tường Long thành xây dựng không to cao lắm, không có hào ngoài, cửa vào không có lầu vì công trình này mang tính chất nửa quân sự.

Nếu tính Long thành là một vòng tường thành thì kinh thành Thăng Long đời Lý gồm ba vòng tường thành bao bọc lẫn nhau. Đó là tiêu đề cho một vòng thành thứ ba mang đầy đủ tính chất quân sự trong bình đồ kiến trúc kinh thành ở các đời sau. Năm 1889, khi thực dân Pháp mở vườn Bách thảo có tìm thấy cột đá chạm rồng suốt thân cột, đường kính cột 0,5m, cao trên 2m. Đây là cột đá chạm rồng độc nhất của cung điện nhà vua trong thành Thăng Long thời Lý.

1. Đầu tượng Kim Cương, Ngọc Hà - Hà Nội, thế kỉ 11-12.

Ảnh: Phan Cẩm Thượng.

2. Các đầu tượng tiên nữ bằng đất nung. Thăng Long (thời Lý).

3. Phụng bằng đất nung. Thăng Long (thời Lý). *Ảnh 2, 3: Tống Trung Tín.*



1

2

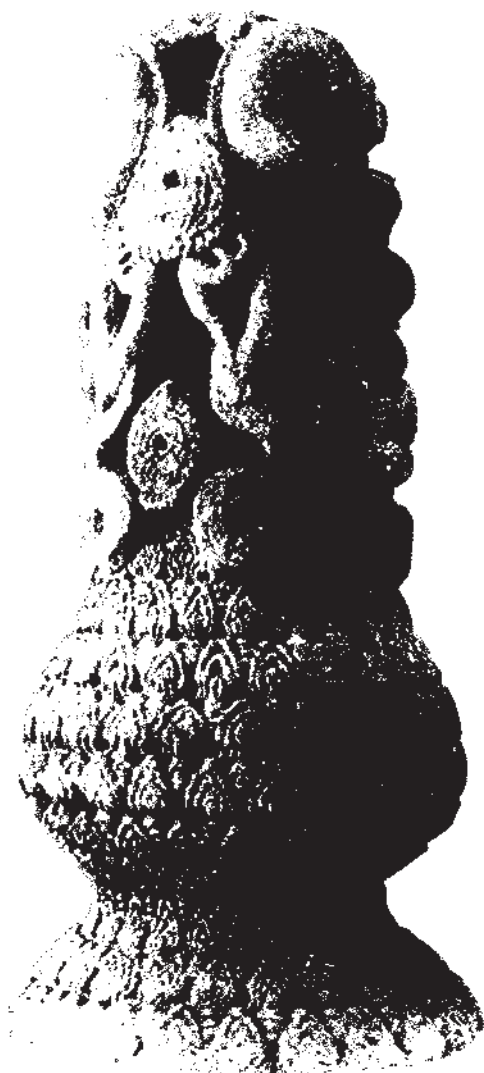




3



4

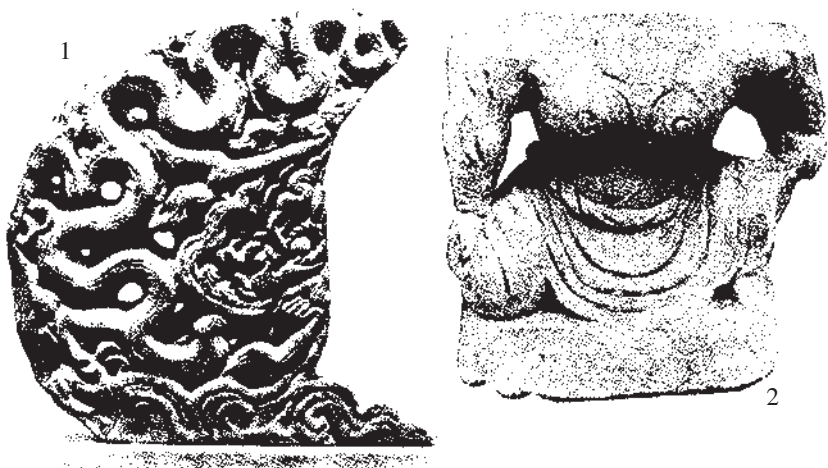


4. Trụ rồng cuốn bằng đá, Thăng Long
(Quận Ba Đình - Hà Nội).

Mấy năm đầu thế kỷ XX, lại đào được phía tây vườn bách thảo lan can đá chạm sấu, hai bên lan can còn chạm hoa cúc dây mang phong cách Lý - Trần. Đây cũng là lan can bậc lên xuống các cung điện nhà vua.

Tháng 7 - 1932 đã tìm thấy một hộp nhỏ chạm hoa cúc dây, trong có một cán dao hình đầu con vẹt. Hai đồ vật toàn bằng vàng, được tìm thấy ở độ sâu chừng 2m, nơi cổng vào trường đua ngựa. Vùng Ngọc Hà, Vạn Phúc, Hữu Tiệp, Kim Mã... hàng trăm năm nay thường tìm thấy đồ đất nung hình rồng, phượng, cầm thú. Đó là những bộ phận vật liệu kiến trúc và trang trí kiến trúc mang phong cách Lý - Trần. Hàng vạn mảnh đồ sứ trắng men xanh, vàng nâu cũng tìm được tại vùng này.

Tuy nhiên, cho tới nay, vòng thành trong của thành Thăng Long thời Lý hay nói cách khác là vòng thành đắp từ thời Lý, dù đã mất nhiều công sức tìm tòi nhưng vẫn chưa thấy rõ dấu vết. Do đó, chưa thể có bản vẽ mặt bằng có thể chấp nhận được. Đây là vấn đề vẫn còn đang nghiên cứu. (Theo Thành cổ Việt Nam của Đỗ Văn Ninh, NXB Khoa học Xã hội, Hà Nội, 1983).



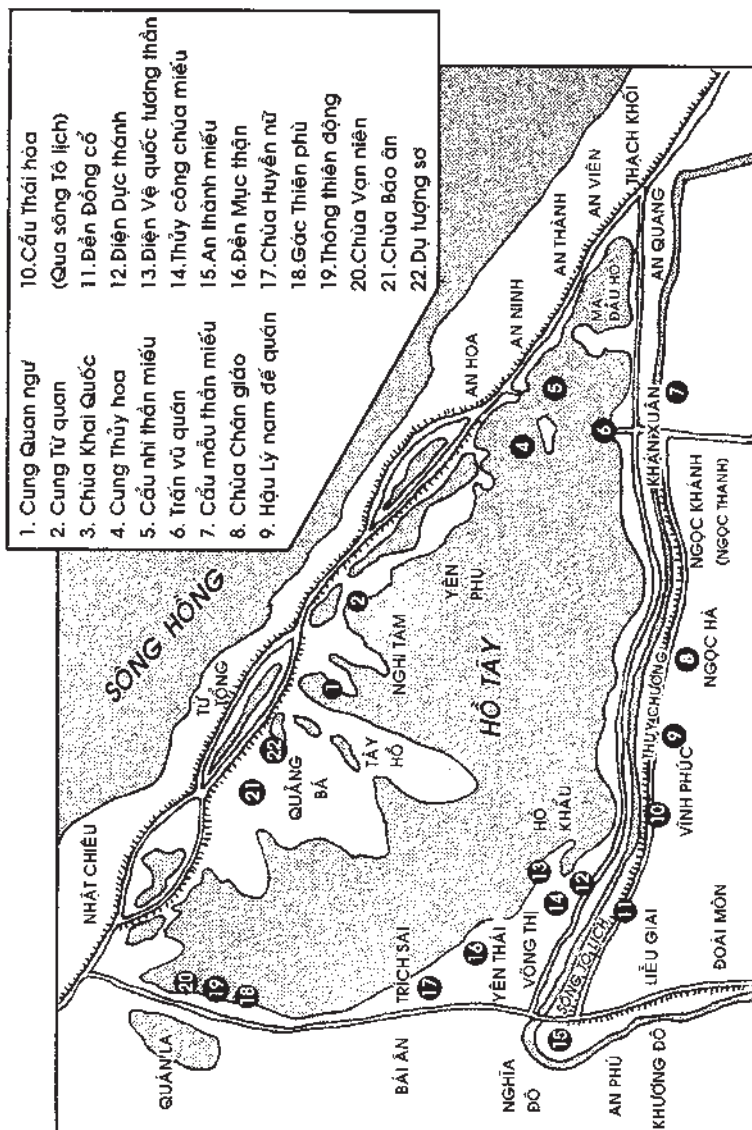
Ảnh 1 (trang trước): Rồng bằng gốm. Hà Nội, thế kỉ 11-12.

Ảnh 2 (trang trước): Tượng người canh gác. Gia Lâm - Hà Nội, thế kỉ 11-12 cao 17cm. Ảnh: Vietnamese ceramics in the museum of Vietnamese history Ho Chi Minh city.

Ảnh 3: Trang trí bờ mái có chổ trống, đất nung, cao 22cm, thế kỉ 11-12. Bảo tàng lịch sử Hà Nội. Ảnh: Sách mỹ thuật Châu Á.

Ảnh 4: Rồng và hoa dây bằng gốm men, hiện vật Thăng Long thời Lý.





Những chùa miếu thời Lý tại vùng Hồ Tây

(Vẽ lại theo sách Kiến trúc Phật giáo Việt Nam của Nguyễn Bá Lăng)



Đền Bạch Mã. Ảnh: Đức Hòa

Đền Bạch Mã, phố Hàng Buồm Hà Nội thờ thần Long Đỗ - được vua Lý Thái Tổ phong làm Quốc Đô Thăng Long Thành hoàng đại vương.

(Theo Việt điện u linh)

Sự tích của đền như sau: Tương truyền khi Lý Công Uẩn dời đô ra thành Đại La, cho xây thành nhưng trải trật mãi không xong. Vua sai người đến đền Bạch Mã cầu thần thì thấy một con ngựa trắng từ trong đền đi ra. Đi một vòng từ đông sang tây, đi đến đâu để lại dấu chân tới đó, rồi trở lại đền và biến mất. Vua sai quân lính theo vết chân ngựa mà đắp thành, quả nhiên thành được xây xong. Vua Lý Thái Tổ bèn cho sửa lại đền thờ, phong vị thần Long Đỗ là Quảng lợi Bạch Mã tới linh Thượng đẳng thần.

Vén tấm màn thần linh ra ta thấy vua quan nhà Lý, khi dời đô ra Đại La qui hoạch kinh thành phía đông là đền Bạch Mã, phía tây là đền Voi Phục, phía bắc là đền Trấn Võ, phía nam là đền Cao Sơn (đình Kim Liên ngày nay). Đó là “Thăng Long tứ trấn”.

(Trích ĐÌNH VÀ ĐỀN HÀ NỘI - NXB Văn hóa, trang 96-97).

Ảnh: 1. Tượng Bạch Mã thờ trong đền

Ảnh: Đức Hòa.

Ảnh: 2. Bàn thờ thần Long Đỗ

Ảnh: Đức Hòa.

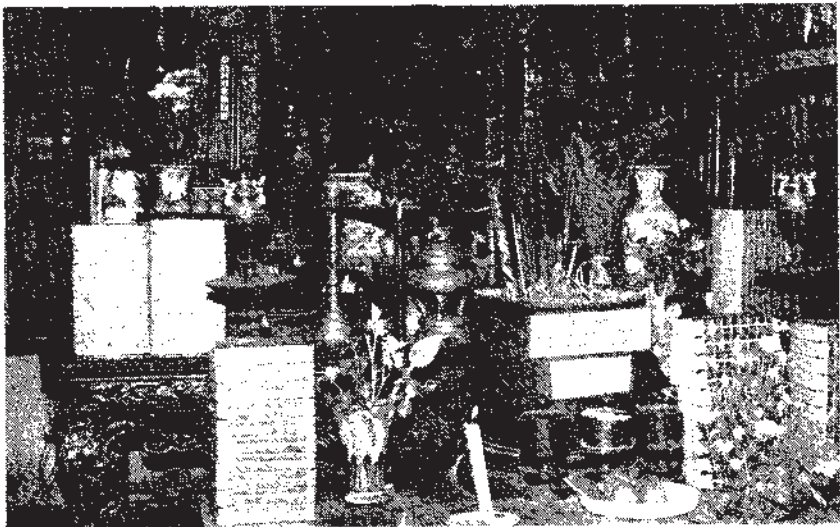
Ảnh: 3. Kiến trúc đền Bạch Mã - Hà Nội (theo L. Bezacier)

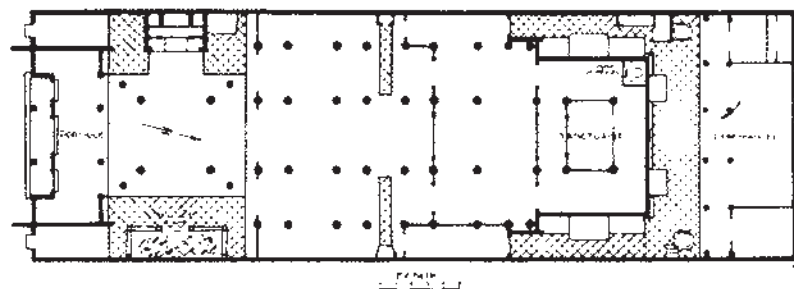
Ảnh: 4. Đền Cầu Nhi

Ảnh: Đức Hòa.

... “Người sáng lập ra kinh thành Thăng Long Lý Thái Tổ, Công Uẩn sinh năm Giáp Tuất (974) dời đô từ Hoa Lư ra thành Đại La (Hà Nội) vào năm Canh Tuất (1010) và do vậy ngôi đền “chó mẹ, chó con” (Cầu Mẫu, Cầu Nhi) ấy là một kỷ niệm lịch sử của Thăng Long thời Lý”.

Trần Quốc Vượng





LỊCH SỬ VIỆT NAM BẰNG TRANH

TẬP 15

XÂY ĐÁP NHÀ LÝ

Trần Bạch Đằng *chủ biên*

Tôn Nữ Quỳnh Trân *biên soạn*

Chịu trách nhiệm xuất bản: NGUYỄN MINH NHỰT

Chịu trách nhiệm nội dung: NGUYỄN THẾ TRUẬT

Biên tập: LIÊN HUƠNG - CÚC HUƠNG

Biên tập tái bản: TÚ UYÊN

Bìa: BIÊN THÙY

Sửa bản in: ĐÌNH QUÂN

Trình bày: VẠN HẠNH

NHÀ XUẤT BẢN TRẺ

Địa chỉ: 161B Lý Chính Thắng, Phường 7,

Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại: (08) 39316289 - 39316211 - 39317849 - 38465596

Fax: (08) 38437450

E-mail: nxbtre@hcm.vnn.vn

Website: www.nxbtre.com.vn

CHI NHÁNH NHÀ XUẤT BẢN TRẺ TẠI HÀ NỘI

Địa chỉ: Số 21, dãy A11, khu Đầm Trấu, Phường Bạch Đằng,

Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

Điện thoại: (04) 37734544

Fax: (04) 35123395

E-mail: chinhanh@nxbtre.com.vn

Dựng nên nhà Lý là Lý Thái Tổ nhưng sự phát triển mạnh mẽ của nước ta dưới thời Lý lại diễn ra trong những năm vua Lý Thái Tông cai trị. Vua sáng tối hiền, hết lòng vì dân vì nước, dân chúng được no đủ, an vui. Vì thế, khi vua băng hà, trăm họ tiếc thương, tôn người là bậc minh quân.



HÌNH TƯỢNG RỒNG THỜI LÝ QUA PHÙ ĐIỀU, CHẠM KHẮC TRANG TRÍ

